

XUÂN THU NHÃ TẬP

- ✦ ĐOÀN PHÚ TỬ (nòng cốt)
- ✦ PHẠM VĂN HẠNH (nòng cốt)
- ✦ NGUYỄN XUÂN SANH (nòng cốt)
- ✦ NGUYỄN LƯƠNG NGỌC (cộng tác)
- ✦ NGUYỄN ĐỖ CUNG (cộng tác)
- ✦ NGUYỄN XUÂN KHOÁT (cộng tác)

I. ĐOÀN PHÚ TỬ

Ông sinh ngày 10 tháng 9 năm 1910 tại Hà-nội. Học ở Hà-nội và có bằng tú tài Pháp.

Ông viết văn từ lúc còn học lớp nhất (1925). Văn phẩm đầu tiên là những bài từ khúc đăng trên báo Đông pháp. Thỉnh thoảng viết giúp cho các báo Phong hóa. Ngày nay. Năm 1937, ông đứng chủ trương tờ Tinh hoa. Chuyên viết kịch.

Những kịch phẩm được xuất bản và trình diễn sau đây : (1)

— Ghen, kịch dài, đăng trong báo Tinh hoa và do ban kịch Tinh hoa diễn lần đầu tại Nhà Hát Tây Hà-nội đêm 13-3-1937.

(1) Theo tài liệu Nhà văn hiện đại của Vũ Ngọc Phan.

- Những bức thư tình, kịch ngắn, do nhà Đời nay Hà-nội xuất bản năm 1937.
- Mơ hoa, kịch ngắn, Đời nay Hà-nội, 1941.
- Lòng rộng không, kịch ngắn, phỏng theo vở kịch Le professeur của Henri Duvernois.
- Chiếc nhạn trong sương là vở kịch đầy tình tứ thi vị.
- Con chim xanh, tả đời phóng lãng của một thanh niên.
- Gái không chồng, diễn tả cuộc đời ba cô ngoài 30 tuổi cố làm vui nhưng vẫn buồn tẻ vì thiếu tình ; do ban kịch Tinh hoa diễn lần đầu tại Nhà Hát Tây Hà-nội đêm 30-4-1938.
- Sau cuộc khiêu vũ, do ban kịch Tinh hoa diễn lần đầu tại Nhà Hát Tây Hà-nội đêm 13-3-37.
- Xuân tươi, do ban kịch Tinh hoa diễn lần đầu tại Nhà Hát Tây Hà-nội đêm 30-4-1938.
- Hận ly tao, một vở kịch đã đưa Đoàn Phú Tứ đến cao độ nghệ thuật.

Phê bình về Đoàn Phú Tứ, ông Vũ Ngọc Phan viết như sau :

« Người ta có thể gọi Đoàn Phú Tứ là nhà soạn kịch của thanh niên. Hầu hết các vở kịch của ông đều được những sự đồng nân của tuổi trẻ mới bước chân vào đời mà phải nếm ít nhiều cay đắng, đã biết suy nghĩ về những cuộc sống yên lặng, ồn ào và phức tạp.

« Cái đặc sắc trong các vở kịch của Đoàn Phú Tứ ở sự nhẹ nhàng, bay bướm. Đọc ông, ai cũng phải nhận ngòi bút của ông thật là tài hoa. Những việc còn con ở đời, những việc không mấy người để ý đến, ông xét nhận rất tinh tế và diễn tả thật tài tình.

« Ông có một tâm hồn thi sĩ, nên người ta thấy ông sở trường về cả thơ nữa. Thơ ông không nhiều, nhưng bài nào cũng kín đáo, gọt giũa kỹ càng, có khi kỹ càng quá, hóa ra mất cả vẻ tự nhiên, kém phần thành thật. Bài thơ trong kịch

Hận ly tao của ông cũng cùng một giọng như bài Màu thời gian của ông mà Hoài-Thanh trích đăng trong *Thi nhân Việt-nam*. Bài *Hận ly tao* người ta còn có thể hiểu được, không đến nỗi uẩn khúc như bài *Màu thời gian* mà có người đã gọi là « thơ hủ ». Có người lại bảo thơ ông hay cả về nhạc điệu nữa. Sự thực thì cái nhạc điệu mà người ta khen ấy, nếu có, nó cũng không Việt-nam chút nào. »



2. PHẠM VĂN HẠNH

Một cây bút nổi cộm trong nhóm Xuân Thu ; tác giả Giọt sương hoa (*Xuân Lượm Lúa Vàng*, 1945). Sau 1945, ông vào Nam cộng tác với Chân trời mới ; thường ký bút hiệu *Thê-Húc*. Người ta biết nhiều đến ông trong nhóm *Tam-Ích*, *Thiên-Giang*, *Thê-Húc*. Phần đóng góp văn nghệ những lúc sau này là những truyện dịch các văn phẩm quốc tế. Tiếng thơ cũng ngưng bật từ đây.



3. NGUYỄN XUÂN SANH

Cũng là một cây bút cừ trong nhóm Xuân Thu ; tác giả thiên Nhật ký 1940 — 1941. Ông đăng tiểu luận và nhiều thơ trong Xuân thu nhĩ tập. Nhận xét về thơ Nguyễn xuân Sanh, ông *Thế Phong* viết : « Là một thi sĩ theo phái bí hiểm của Dadaïme, đôi chút pha *Surréalisme* cho nên thơ ông trau chuốt kỹ thuật, giàu nhạc điệu mà hồn thơ nội dung rộng tuếch, bí hiểm. Thơ Nguyễn xuân Sanh phải có Đình gia Trình bên cạnh giải thích cái hay, cái đẹp, mà nghệ thuật lại phải giải thích cái hay cái đẹp tới bao nhiêu lần mà người đọc vẫn chưa thông cảm nổi, tôi không muốn nói rằng đó không phải là nghệ thuật. Thơ Nguyễn xuân Sanh không phải chất thơ lịch lãm của Đoàn Phú Tứ, cao hơn lối thơ của Nguyễn Vỹ Bạch Nga. »



1) Một cây bút phê bình văn học trên báo *Thanh nghị*, sắc bén, hơi nghiêm khắc nhưng công minh.

KHÁC hơn phần đông thi sĩ đi vào làng thơ từng chiếc thân đơn độc với gói hành trang của mình, Xuân Thu Nhã Tập rần rộ vào làng từng nhóm người mang theo cả chương trình khai sáng một đường lối mới trong thi văn.

Còn gay gắt hơn loại Thơ Triết của Minh-Tuyên, nếu triết thi có những vần thơ dễ hiểu, hiềm nỗi tư tưởng cao viễn, khảo cứu phải thâm sâu, dòng thơ lại lê thê, dằng dặc; thi nhóm Xuân Thu Nhã Tập tạo ra những lời thơ khó hiểu, khúc chiết, tư tưởng kín đáo bí hiểm, thể thơ quá phóng túng.

Họ là những văn nghệ sĩ rất tha thiết với nền quốc văn, muốn tìm con đường sáng tác riêng biệt, đưa ra một quan niệm mới về nghệ thuật; vì vậy nhóm Xuân Thu Nhã Tập ra đời. Mà Xuân Thu nghĩa là gì? mục đích ra sao?

Đây, ta hãy nghe họ định nghĩa:

« Trong cái « bát nháo » của người, ta tự vạch con đường soi sáng cái đạo thực.

« Trong cái vô ý thức của đời, ta tự thực hiện.

« Tới cái ta thuần túy; tri thức tuyệt vời, và tuyệt đối. »

« Xuân Thu theo cổ tự: có hoa này nở dưới mặt trời, và bông lúa chín... Một biểu tượng đương nhiên, cái nhịp của cuộc sống vô cùng. Sắc xuân và hương thu. Hai mùa quá độ uyên chuyển trong khoảng cao, trong, nhẹ... »

« Hai mùa thực hiện Đẹp và Thơ. »

« Xuân Thu kết trong hệ tư tưởng gồm ba mối chính sẽ lần lần giải bằng mọi phương tiện (và khi cần, bằng lạng lẽ):

Trí thức

Sáng tạo

Đạo đức

« Xuân Thu có một phần tiểu thức.

« Tìm con đường thực, nối liền nguồn gốc xưa với những ước vọng nay.

« Gợi về những tình cách riêng của ta. Không quanh co, lúng túng với ảnh hưởng ngoài. »

Cuộc sống của ta phải phát triển trên cái nền móng thực, là ta trước hết.

Ngắn cái họa mất gốc. Hai nghìn câu thơ « Đoạn trường tân thanh » đã cứu sống ta trong lịch sử, cũng bằng hai mươi vạn quẻ Sát Đất.

Văn chương, tư tưởng lấy quốc văn làm khí cụ độc nhất, đào luyện trong cái đặc biệt của ngôn ngữ Việt-nam. »

Trên đây là những điểm đại cương được nhóm Xuân Thu đưa ra để làm tôn chỉ cho đường hướng sáng tác của mình. Đồng thời nhóm cũng trình bày những mẫu mực sáng tác mới lạ, đã tiếp được tiếng khen tặng hưởng ứng mà cũng bị phản kháng chế diễu.

Dư luận thuận lợi cho Xuân Thu Nhã Tập khi Diệu-Anh (1) viết trong báo Thanh nghị số 22 ngày 1-10-1942:

« Bài tiểu luận « Thơ » ký tên Đoàn phú Tứ, Phạm văn Hạnh, Nguyễn xuân Sanh là một trong những bài giá trị trong Xuân Thu Nhã Tập, có thể nói là một công trình tư tưởng có ý vị bậc nhất trong thời đại. Bài tiểu luận Thơ phát biểu những quan niệm đề thực hành cái phần tiểu thừa trong chương trình của nhóm thanh niên nghệ sĩ tác giả Xuân Thu Nhã Tập gây một nghệ thuật thơ cho Việt-nam, tìm con đường thực nối liền nguồn gốc xưa với ước vọng nay. Gợi về những cái đồng sống thực của ta. (Quan niệm, trang 12)

Và, Diệu-Anh kết luận:

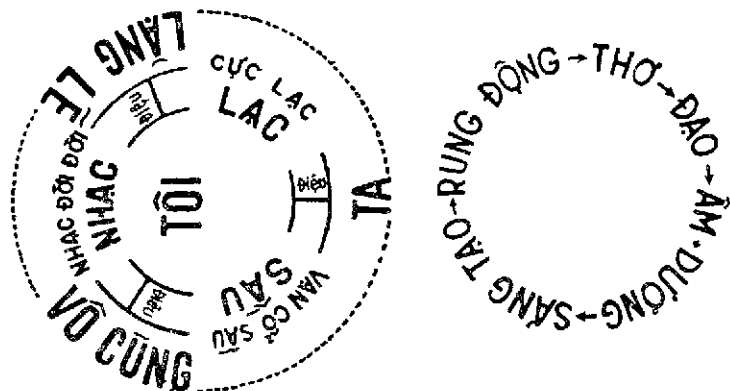
« Xuân Thu Nhã Tập viết với nhiều tâm tình và nhiều nghệ thuật, là một quyển sách khiến kẻ đọc suy nghĩ nhiều. Nay dò mấy trang, mai dò mấy trang, đọc đi đọc lại mỗi bài hai ba lượt, mỗi lượt đọc lại thêm ý vị của một vài tư tưởng, gấp mấy quyển sách lại ta thấy trong nó tự nhiên, ta đề nó vào một chỗ danh dự trong tủ sách. » (Quan niệm trang 28).

1) Người giữ mục điểm sách mới trên báo Thanh nghị và phê bình văn học.

Nhóm người đã kích cho rằng thơ của Xuân Thu Nhã Tập đọc nghe mù tịt, lối thơ lập dị, hủ nút, rồi người ta bắt chước họ là n những bài thơ tương tự đề chế riếu, chọc cười. Có người cho họ định tái lập ở Việt-nam trường thơ bí hiểm của Pháp trong phái *tượng trưng* (symbolisme) (1), *đa-đa* (dadaisme) (2), *siêu thực* (surréalisme) (3).

Báo *Thanh nghị* đăng lại bà thơ sáng tác của nhóm Xuân Thu, có nhận xét, phê bình với tinh thần cởi mở và xây dựng.

Đề có ý niệm khái quát về thơ văn của nhóm Xuân Thu, chúng tôi xin trình bày vài đường nét phác họa. Các bạn hãy nhìn kỹ hai cái vòng dưới đây là hai trung tâm điểm mà tư tưởng và sáng tác của nhóm Xuân Thu chu tuần.



Bây giờ chúng ta bắt đầu ở khía cạnh Thơ. Dưới đây là quan niệm của nhóm Xuân Thu, chúng tôi xin đúc kết tư tưởng như sau :

1) Một chủ nghĩa mượn ký hiệu hay vật thể khác để diễn ý nghĩa sâu xa không thể nói bằng lời, như lấy hoa hồng làm biểu tượng cho ái tình.

2) Một văn phái xuất hiện khoảng 1916, chủ trương hủy bỏ mọi liên hệ giữa tư tưởng và sự diễn đạt.

3) Một khuynh hướng thực tế, xác nhận con người sinh tồn biệt lập hẳn ý tưởng (đối lập với phái idéalisme duy tâm thuyết) chủ trương không có gì tồn tại ở ngoài lý tưởng.)

Quan niệm về Thơ :

Thơ là gì ?

— « Thi tại ngôn ngoại ».

Là cái gì mà ta không thể giải bằng lời ; là (cái gì siêu thoát ngoài ước lệ, trên lý trí, nó rung động theo nhịp điệu vũ trụ », cho nên « cái gì có rung động là có thơ ». « Trong âm nhạc, trong hội họa, trong kiến trúc, nói rộng ra, ở khắp ngành nghệ thuật, và trong cả đạo lý, trong hành động, một khi đã gạn lảng những cạn đục mà còn lại tinh hoa » đấy là thơ. « Một bài thơ là sự phối hợp của âm thanh, chữ, hình ảnh, biểu hiệu theo những niêm luật rõ rệt hay tiềm tàng ». Làm xong một bài thơ người thi sĩ chưa thể gọi đã hoàn tất sáng tác của mình, mà phải chờ đợi một tác giả thứ hai tức là độc giả, nhóm mệnh danh họ là « thi nhân » (người cảm thụ được thơ). Một bài thơ « sống » là bài thơ đủ khả năng mang sứ mệnh bắc nhịp cầu giữa thi sĩ và thi nhân (độc giả) truyền cảm và gây được rung động.

Cụ thể hơn : Mùa thu, trong buổi tà dương, một chiếc lá vèo rơi. Cảnh ấy « nên thơ ». Chiếc lá là « bài thơ ». Người thứ nhất thụ cảm, ghi lại và truyền lan « bài thơ chiếc lá » là thi sĩ. Người đọc bài thơ, rung động do sự truyền lan ấy là thi nhân.

« Thơ » như thần linh : con đồng là « thi sĩ », tạo được « bài thơ cảm thông », nối thần linh với đệ tử là « thi nhân ».

« Thơ » như tôn giáo : giáo sĩ là « thi sĩ » tạo nên « bài thơ giác ngộ » cho tín đồ « thi nhân ».

« Thơ » như tình yêu : « thi sĩ » là người cung nữ thả « bài thơ lá thắm », người vớt lá là thi nhân.

Ở các ngành nghệ thuật :

« Thi sĩ » truyền và ghi được cái rung động tuyệt vời lên bài thơ tranh : ấy là họa sĩ (nếu không, chỉ là họa công). Mà « thi nhân » đây là người cảm được cái rung động của bức tranh.

« Thi sĩ » Bá Nha đầu tiên cùng rung động với cái non cao nước chảy, trên bài-thơ-đàn : ấy là nhạc sĩ (những người đánh lại khúc Cao sơn, Lưu thủy chỉ là Nhạc-công). Mà « thi nhân » là người tri âm Tử Kỳ...

Người làm bài thơ theo nghĩa thông thường, chưa hẳn là thi sĩ hay thi nhân, vì chưa hẳn đã đạt được « thơ ». Hãy gọi riêng là Thi-gia, một danh từ trong nghề.

Là « thi sĩ » nếu thi gia hoặc văn gia đạt được « Thơ ».

« Thơ » là cái gì huyền ảo, tinh khiết, thâm thúy, cao siêu, cái hình ảnh sự khắc khoải bất diệt của muôn vật : cõi Vô Cùng »

Quan niệm về Sống.

Luận về Sống, Xuân Thu viết :

Cái lầm lỡ nhất của loài người, tai hại nhất và bi thảm nhất, có lẽ cuộc đời đi tìm hạnh phúc. Cái lầm ấy đã làm bao nhiêu cuộc đời trở nên bao nhiêu tâm thảm kịch. Người ta cuống đại xô nhau đi tìm hạnh phúc, cái mầm đau khổ.

« Ta muốn quan niệm một cuộc sống không lấy hạnh phúc làm đích. »

Sống, đó là một sự đương nhiên, kẻ hiền giả phải tìm cách sống cho xứng đáng, phong phú, nhịp nhàng với cuộc sống lớn của vũ trụ, cao quý và đường bệ.

« SỐNG, đó là tất cả bi quyết của cuộc sống. Đạt được, an nhàn bao nhiêu. »

Đứng tựa lan can trên tầng cao, buông mắt nhìn xuống cái sinh hoạt động rộn rịp trong ánh sáng. Thiên hạ đang bị ràng buộc quây quần trong cuộc sống. Sự đòi hỏi của cái ăn, cái mặc, cái thú vui ở đời tựa như những chùm dây leo, có đại dây gai góc đang phủ trùm lên tuế giác của con người. Cuộc sống lôi cuốn đến mồi như, uể oải, liên tục không một phút giây lơ lửng nào cho con người thoát ra ngoài vòng nhân sinh, nhìn lại tốc độ quay cuồng trong cuộc sống. Vượt khỏi hấp dẫn lực ấy, ta mới có thể nói là đã « nghỉ trong khi sống ».

Quan niệm về Vô Trụ và Nhân Sinh.

Trời đất bao la, con người chẳng qua như « cỏ nội hoa hèn ». Từ thuở mịt mù nào cho đến ngày không bao sẽ tới, sống gió không ngừng trong vũ trụ, mà ta chỉ là hình bóng mập mờ của một cát bụi mong manh, tan biến trong một khoảnh khắc thoáng như không.

... Trước khi sinh, ta đã có tự bao giờ, trong sức sống vô cùng tận của Tạo-vật, — và ta vô hình tức là ta vô hạn. Từ lúc có hình thể ta đã bắt đầu nằm thu trong cái vô nhất định, mỗi ngày một dày đặc cách biệt ta với vạn vật. Và ta đã thành tôi riêng chiếm một khu đời chật hẹp, đối phó với những cái tôi khác, với sự vật bên ngoài. Bao nhiêu nhu cầu, bao nhiêu cá tính đã làm cho những cái tôi khác nhau càng ngày càng cách biệt. Một dòng khí huyết đã tách ra từng giọt riêng cả những anh em cùng cha mẹ đã biệt lập. mỗi người một cảnh đời một cõi sống. Mỗi người một phận, không còn chung lẫn như, hồi thơ ấu ngây dại.

Từ cái thế duy nhất đã chuyển qua cái thế song lập ; Tôi với đối phương là vạn vật, là tất cả những cái gì không phải tôi. Tôi đã tự xây một bức thành bao kín, mỗi ngày một dày, một kiên cố, bùng bít mặt mừng như một dinh cơ, một nhà phủ hộ quê, như một nhà hầm chôn của — ai có nhớ chuyện người hà tiện trong tiểu thuyết Pháp, một đêm kia chết thảm trong hầm đã tự xây ?

Tôi đã thu gọn trong kén, như một con tằm tự vương mãi đầy oan.

Ôi ! hẻo lánh là chừng nào ! hiu quạnh là chừng nào ! mịt mù thảm thiết !

Song con tằm vẫn nhớ ngàn dâu, đã tìm đường thoát kén.

Và trong vòng lao túng, ta vẫn nhớ cõi vô cùng, và đã tìm cách cảm thông với nguồn đời vô tận. Cái Tôi trần tục, cái Tôi nặng duyên kiếp, còn nằm trong vỏ kín, mà ta đã giác ngộ, đã giải thoát, hòa lẫn với thanh thanh, rung động nhịp nhàng với Nhạc thiên thu, theo Diệu tuyệt vời và tuyệt đối.

Thoát cái tôi dày đặc, tôi tắm, ta đã sáng suốt vươn tới cõi Vô-cùng bằng Tinh Yêu, bằng Thơ, bằng Tin-tưởng.

... Từ nguyên tử đến tinh đầu, đời là một vũ trụ động đây. Thời gian chỉ nên xem như ảo ảnh của sự luân chuyển không ngừng.

Thề chất là hiện tại. Đời thay là quá khứ. Tỏa lan là chết. Tinh tụ là Sống.

Hoa cỏ, người vật quay theo cái giường Thiên Nhiên. Bao nhiêu đợt sống không hồn trôi quanh con bờ vô tận.

... Thích-Ca dạy chúng sinh thoát kiếp luân hồi; Phật là những vị siêu nhân biết đứng lại đề sức Mạnh hấp dẫn vạn vật tới con đường sáng.

Quan niệm về Trí Thức.

Luận về Trí thức, (trích toàn bài) nhóm Xuân Thu viết : « Trí thức là gì ?

Thế nào là « kẻ trí thức » ? — Làm sao tới được Trí Thức ? Quan hệ trọng đại của vấn đề.

Hình ảnh tốt đẹp và thật nhất của trí thức, là viên ngọc Biện Hòa chứa trong hòn đá. Phải phá hết những chất dày đặc kết bên ngoài, để sáng suốt thu được cả bốn phương xán lạn vào trong mình. Cảm thông với vũ trụ, hội được ý Nhạc của Trời Đất.

Sáng và biết sáng.

Ta không phải là ngọn đèn soi vào kẻ ngách sự vật. Ta đã sáng suốt được sự vật, nằm trong sự vật. Sự vật nằm trong ta.

Ta đã ý thức sự vật. Và cũng có thể nói ; Sự vật đã ý thức Ta. — Thần hoa đã hiện, Những đêm Liêu-Trai. . .

Trí thức chỉ là Ý THỨC. Bằng CẢM THÔNG.

Cần gỡ cái chốt nhất thời. Cần rửa những hạt trai trong nước giếng Trọng Thủy, hầu trở lại vẻ trong sáng muôn đời. Tới cái « Ta Thuần Túy ».

Trong, Đẹp, Thật. Ba ngôi trời lý tưởng. Chối lợi trong hào quang Nhạc.

Trí giả, ý thức được Nhạc, sáng tạo được Điệu, thấu tới Nhạc-dời-dời. Thức giả, cảm được Điệu, hội được Nhạc, tái tạo mình ra vũ trụ. « Thi sĩ » và « thi nhân ». Trong muôn vạn địa hạt.

Trí thức phải là *Sáng tạo*, — dù chỉ là *tái tạo*. Sáng tạo không ngừng. Cho nên không có một « địa vị » trí thức, một « giai cấp » trí thức chỉ việc đạt tới một lần trong đời rồi bình an tọa hưởng. Trí thức không phải là một « danh phận », — cũng như Ái-Tình không cứ ở « duyên phận ». Duyên phận là một độ đường cùng, mà Ái-Tình là dòng sông không bến.

Kẻ vô học có thể tới bậc trí thức tuyệt vời, mà một ông thầy thuốc, một ông thầy kiện, một ông thầy học thường khi cũng chỉ là « một ông thầy », nếu không thoát ra ngoài cái « học » để tới được bậc « tri », nếu tự mãn ở độ đường cùng : danh phận. — Bậc trí thức suốt đời là « Tinh nhân ».

Trí thức không có tính cách « trường giả ». Từng phút, từng giây, cảm thông với nguồn đời vô tận, « trôi với dòng sống không cùng. . . » Trí thức phải giữ thái độ *tiên phong*.

Sáng tạo và tiên phong : nguyên tắc *linh hoạt* của Trí Thức Biết vận vật, giỏi khéo một bề chưa là Trí Thức : Trí Thức có *tinh thần*, và *tinh thần triết lý* « bao quát, tổng hợp ».

Bằng cấp nọ, học khoa kia, chưa là Trí Thức : Trí Thức ở *sâu* hơn thế, *cao* hơn thế, *rộng* hơn thế.

Thấy rộng nghe nhiều chưa là Trí Thức ; Trí thức là *mình* cảm thông với sự vật, không phải chỉ đứng ngoài sự vật mà « thấy », mà « nghe ».

Trí « khôn ngoan » không phải là Trí Thức : Trí Thức không vụ lợi.

Trí Thức không phải là « tai mắt xã hội », không phải là « thượng lưu, quý phái » ; Trí Thức là tìm óc nhân quần ; là cao nhân, là tinh chủng.

Trí thức trái với ngu muội « dù học rộng tài cao », trái với theo-đuôi-người « dù người có hay, có đẹp thật », trái với chiều « thời », trái với đề hạ.

Trí thức tức *sáng suốt*, tức *tự do* « cái tự do toàn vẹn của *tinh thần* », tức *biệt lập* « cái biệt lập của *áng danh sơn* », tức *thanh cao* « cái thanh cao không đời đời của *kẻ sĩ*, cái thanh cao không vụ ích của *ngọc châu* ».

Học tới một trình độ nào, « sơ đẳng » hay « cao đẳng » hay cao hơn thế nữa, dù về khoa nào, chỉ được gọi là « học thức » không đáng bậc « trí thức », nếu không có tinh thần tiên phong, tinh thần sáng tạo, không vun trồng cốt cách hiền nhân.

Trí Thức : mình làm phương tiện cho cứu cánh mình, không ràng buộc bởi những điều sơ đẳng, không lúng túng vì những ảnh hưởng ngoài. Học để mà quên LÀ MÌNH, BIẾT MÌNH và TRỌNG MÌNH.

Bậc Trí Thức là kẻ sĩ, người tìm Diệu, người đến Đạo. luôn luôn gắng tìm, và gắng đến. Tạo ra cái « Đẹp », — dù chỉ trong lòng mình, — để ý thức sự « Thật » muôn đời. Bằng một tâm hồn « trong ».

Tim đường nhịp nhàng.

Đến cõi siêu việt.

Đạo-lý và Thiên Chức.

Có trí thức mới Sáng-tạo, — dù chỉ tái tạo « Học thức » chỉ có năng lực « phò thông ». Kẻ « học giả » chỉ sống được vì đã có bậc « trí giả ». Muôn nghìn ông nghề trong muôn nghìn đời họa chăng được công việc gì « có ích », là làm tỏa lan cái ánh sáng « không vụ ích » của một lời Trang Chu, một câu Lý Bạch.

Mà có sáng tạo mới có « sống » và mới có Đạo-lý : cái *phép tắc sống*. Cái « biết » của học thức chỉ là cái biết ngừng một chỗ, có chừng hạn. Của Trí Thức, mới là sống uyển chuyển, sinh sôi, vô cùng.

Bạn Trí Thức là người tới cái *biết* của Thơ, — « Thơ là một cách trí thức cao cấp », — là người thấm vào cốt sự vật. « Tĩnh tự » để sáng suốt : cái tuệ giác tuyệt vời của phút lâm chung. Đột nhiên và hoàn toàn, thấu tới cõi *vô cùng*, trong một giây *Lặng lẽ* của tâm hồn tươi trong. Phút giây siêu thoát : Phá vỡ cái *Tối* nhất thời để sáng tạo cái *TA* muôn thuở.

Cuộc sáng tạo đầu tiên của trí thức là : TỰ TẠO.

Tự tạo trong một đợt tình trác tuyệt, khi hồn tan trên một nét anh đào.

Tự tạo trong một thế hệ « nhập thiên » trong một « đường thánh giá ».

Tự tạo trong một ngọn cỏ gió đùa, trong một cánh hoa nắng giỡn.

Trong một bức tranh, trong một ngọn tháp.

Trong một niềm vĩnh biệt.

Cũng như trong một phút lâm chung.

Cảm xúc. Và cảm thông.

Tự nhận chân và thực hiện bao nhiêu công tự tu.

Nầy nở và vun trồng ngày nay.

TRÍ THỨC : gốc cây *Ta*, dây nhựa *Thơ*, hút nhận. *Nhạc* của đất Trời, để trở sinh bao nhiêu *Điện*, thẩm tươi, những hồng *SÁNG TẠO* dâng lên bàn thờ *ĐẠO LÝ*, *Lẽ-sống* trong *Đời*.

Làm sao ta đã bán khoán tim lẽ sống ? Tim lẽ sống ?

Lẽ sống là Nhịp Nhàng ; siêu thoát ; là nhạc,

Lẽ sống là Trong, Đẹp, Thật là Thơ.

« Phù Dung kia chỉ nở một ngày để ngậm ngùi muôn đời xinh đẹp »

Trí thức chân chính phải nảy sinh Sáng tạo.

(Nếu không, chỉ là « một cách », là « hủ nho » là « trường giả »)

Tinh thần tiên phong. Cốt cách tài tử.

Sáng tạo chân chánh tất nhiên theo Đạo lý.

(Nếu không chỉ là hỗn loạn, là xuẩn động, là vô nghĩa).

Cá tính Độc Lập. Phong độ trượng phu.

Đạo Lý của kẻ « Sĩ ».

Không hề trường giả, nhưng *Vương giả*.

Không lo « thành đạt », nhưng bao giờ cũng « *thống đạt* ».

Không làm « thương nhân », nhưng làm « *tao nhân* ».

T H Ơ

TRÍ THỨC — SÁNG TẠO — ĐẠO LÝ — NHẠC

Trí thức kết từ cá nhân. Vào địa hạt xã hội, là *văn-minh*. Về phương diện thực hành, là *học thuật*.

Một dân tộc không tự ý thức, tất không có trí thức, không có một nền học thuật, không có tài văn minh.

Tất cả các cuộc xây dựng là một Câu Chuyện Tinh Thần.

Tất cả cuộc sống « cuộc sống lộng lẫy » chỉ là một Ván Đờ Trí Thức.

PHẠM VĂN HẠNH

ĐOÀN PHÙ TỬ

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC



Quan niệm về Nhạc.

NHẠC ĐIỆU (trích toàn bài)

Nhạc với Điệu có liên quan như lễ với nghi. Lễ phát biểu thành Nghi.

Nhạc hiện ra thành Điệu.

Nghi không hợp với lễ chỉ là nghi đối.

Điệu không hòa theo Nhạc, chỉ là điệu giả.

Con người ta lấy trí mà bày ra Nghi, lấy tài mà đặt ra Điệu. Nếu không hội được Nhạc, không thấu được Lễ, thì càng tài trí bao nhiêu lại càng dối mình và lừa người bấy nhiêu.

Cho nên trí không thực bằng tâm, mà tài không quý bằng tình. Tài trí để đưa người xa sự thật hồn nhiên, tâm tình có thể thấu được lẽ thực trong trời đất xấu xa.

Hai chữ TRÍ THỨC hiểu theo nghĩa. Cao Đẳng chỉ là Ý THỨC; ý thức cái Nhạc của Trời Đất, Ý thức cái Lễ trong Nhân-Loại. Ý thức rất thâm thúy, rất mãnh liệt tất nhiên trực giác được cái nghi chân thực, cái Điệu phong phú, Tới bậc Tài Trí cao siêu.

Song, đem Lễ ví với Nhạc, chỉ cốt đem cái liên quan Nghi với Lễ để làm tỏ rõ cái ý nghĩa sâu xa của Điệu có liên quan với Nhạc âm thầm mật thiết chừng nào. Thực ra, Lễ (định phân, cách dị) chỉ là một luật tương đối điều khiển

cuộc sống nhỏ của thế gian, không thể sánh với Nhạc (giao hòa hợp nhất) là cái Luật cao cả chi phối cuộc sống lớn của Vũ trụ, của Tinh-thần.

Lễ Nghi giàn bày trật tự, cần cho cái « Tôi » này đối phó với mọi cái « tôi » khác có lợi cho cuộc sống hẹp hòi. Nhạc điệu làm cho ta nhịp nhàng hòa trong sự tương thân lẫn với cuộc sống vĩnh viễn của Trời Đất, thấu tới cõi Cao Siêu.

Nhạc phát sinh muôn ngàn khúc điệu, tiết tấu trong vạn vật, trong văn thơ, nghệ thuật, trong tư tưởng, hành vi.

Tất cả lòng mong mỏi, nỗi băn khoăn của ta chỉ là thấu được cái Nhạc của trời đất, và đạt được của Điệu của Tuyệt vời, trong, đẹp, thật.

Tất cả là Đạo Lý.

« Thơ » cái rung động siêu việt trong trời, nhịp nhàng của bản nhạc vô cùng. Rung động có lan trên cánh Nhạc mới thực hiện Thơ. Và hồn thơ có lưu thông trên trí Nhạc mới theo kịp Đạo, cái đệ nhất nguyên lý, cái lẽ phải cuối cùng.

Trong vòng tương sinh Thơ Đạo, Nhạc vậy phủ.

Thơ như hào quang trên đầu vị thánh.

Bản nhạc vô cùng rung động thanh Thơ; Thơ trong văn chương, trong hội họa, trong kiến trúc, trong Âm-nhạc, trong Hành-vi.

Bao nhiêu Nhạc khúc, bao nhiêu điệu, một nguồn sinh khí mới; Nhạc thấm nhuần cả Vũ-trụ, giao hòa trong Trời Đất với Người.

Không có Nhạc là không có gì hết. Bài thơ sẽ chỉ còn là lời kẻ lẽ, bức tranh là những màu tro trên, bản đàn là những tiếng vu vơ, lầu đài, điện các là những khối gạch đá vô dạng những hành vi chỉ còn là những xảo trá hay xuân động. Hoa cỏ cũng vô duyên, chim muông cũng lạc loài ngơ ngác.

Một nỗi lòng sương phụ, một thiên tình hận lâm ly, một cảnh điền viên, một bước đường luân lạc, đều có ngụ ý phát một ý nhạc u uẩn sâu xa. Phải hội được Nhạc

kia mới tìm được một đường diễn tả thật nhịp nhàng. Những giọng văn thích đáng mới tạo được một *Điệu* huyền diệu. Thực hiện và truyền diễn được ý *Nhạc* mong manh. Bằng không chỉ còn là những lời than vãn thuật hoài hoặc giải bày, thóc mách, dù bằng văn xuôi, dù bằng văn vần. Nghĩa là lời nông cạn, hời hợt, vô duyên.

Hướng chỉ mượn nỗi lòng gái góa, đặt câu chuyện thất tình đề bình vực một ý tưởng luân lý hẹp hòi, đề mong giải quyết một vấn đề xã hội, tức là những dung tình vụ lợi, đã khuấy tan cái Ý *Nhạc* của sự vật và lòng mình (cần phải trong trẻo còn đâu là *Nhạc*, còn đâu là *Điệu*, còn đâu là sự cảm thông, thấm thía, sức kêu gọi nhịp nhàng. Chỉ còn là xảo trá, bèn trong giấy lát.

Còn như cửa lòng rộng mở, đón muôn vàn ý gió tình mây, giao hòa với Đất Trời, lên cùng cung bậc với *Nhạc* thiên nhiên, thì dầu « chưa thành khúc *điệu* » mà tiếng dạo bên Tâm-Dương đã thoát tình ca kỹ, và đã vô cùng gợi cảm trong lòng Tư Mã Giang-châu.

Nói ra, *Tôi yêu anh*, chỉ là tỏ tình một cách sống sượng — mà chưa chắc đã thực tình. Chứ bước chân ngập ngừng của Thôi Oanh Oanh, đã là cả một *Điệu* vắt vẻo, ca được khúc *Nhạc* bằng khuông, thấm thía vào trong lòng Quân Thụy.

Không hội được *Nhạc*, không thành được *Điệu*, đã đành là suông vẹo. Song còn hơn là những *điệu* không hồn.

Không có *Lẽ* mà bày ra *Nghĩ* ! không có *Nhạc* mà đặt ra *Điệu* ! Đó là *Hư văn*.

Trong phạm vi lễ nghi, biết bao là *hư văn* ! những giọt lệ xã giao, những nụ cười tiếp tế, những dáng rụt rè khúm núm khi không có lòng kính thực, không thực tôn nghiêm mà cũng rục rở uy nghi. . .

Trong phạm vi *Nhạc* *Điệu*, là *hư văn*, khi chỉ lời đẹp mà tứ suông, lòng ủy mị mà giọng hát hùng hồn, tình thần u uất mà đường vẽ dịu dàng, sắc màu khoáng hoạt. Nghĩa là những *điệu* hào nháng kia chỉ là nước sơn dối — phấn son và nhung lụa !

Một tỷ dụ trong khoa kiến trúc.

Nếu kiến trúc chỉ cốt xây những tòa nhà thiết dụng, hợp vệ sinh và kiên cố, thì chỉ là một kỹ nghệ. Song Kiến Trúc lại là một Nghệ Thuật, nghĩa là cũng có cái hoài bão diễn được những niềm khát khao, những nỗi hân hoan, lòng tin tưởng hay dạ thơ ngây, theo một *tiết điệu* đặc biệt, hòa theo khúc *Nhạc* âm thầm. « Âm nhạc là kiến trúc bằng giọng thấp cao » (Mme de Staël) thì kiến trúc tức là âm nhạc bằng chiều ngang dọc, bằng khối, bằng hình. Vần một sức Rung Động *biến điệu* trong các ngành. Và công trình kiến trúc, cũng như một bản đàn, một bức họa, một câu thơ, một vở kịch, đều chủ tạo nên một tâm trạng siêu việt, dị thường, cực phẩm.

Nghệ thuật trước khi thành một kỹ thuật, chỉ là Một Nhịp Chân Thành, — lòng yêu cất cánh.

Nên một tòa Thánh Đường hay Phật đường do một kiến trúc sư không có một tin tưởng gì về tôn giáo xây nên, dù tôn nghiêm đến đâu cũng chỉ là *hư văn*. *Nhạc* tâm thành không có thì làm gì tạo ra được *điệu* chân thành. — Mà những tháp Angkor tráng lệ đến có thể ngỡ là thần dựng lên một đêm !

Một lầu Ngũ-Phượng, những mái cong cong vượt lên ở xứ Việt-Nam (cũng như hiện nay những dàn « pergoal » trên các nóc nhà Hà-nội, những luống vườn « Le nôtre » ở dọc bờ sông Hương. . .) bao nhiêu tiêu biểu buồn thảm của phi trí thức, trong bao nhiêu địa hạt. — Mà đến Không Tử ở Khúc-phụ vẫn là cả một *điệu* đàn tiết tấu ca khúc *Nhạc Trung Dung* !

Chùa bên Ấn-độ cấu tạo khác chùa bên Trung-hoa mà chùa cổ xứ Việt-Nam lại mang một linh hồn đặc biệt. Người xa còn nặng lòng tín mộ, còn nghe khúc *Nhạc Thích Ca* vắng vắng trong một vùng đất nước cỏ cây, đã tìm ra những *điệu* chân thực một thời.

« Nước non ngàn dặm ra đi

Cái tình chi. . . »

Chỉ có một « điệu » Nam Bình, một lần đã diễn « nhạc » Huyền Trân.

Điệu, Nhạc tương xứng. Như ý phục với đức. Xe loan cùng ngọc nữ. Dòng sông và nguồn nước.

Muôn dòng riêng xuôi từ một nguồn chung, ôm ấp nhịp nhàng địa thế, tự nhiên tìm lối ra khơi : Làm nghên chệch tức là lối điệu, — và lối Đạo.

Cách ăn mặc, kiểu nhà cửa, giọng đàn, điệu múa, giọng điệu văn thơ... chỉ là câu chuyện nhịp nhàng.

Người Phương Đông nghiêng mình chào, nhịp nhàng hơn là bắt tay, hôn hít.

— Và nói tiếng phương mình, nhịp nhàng hơn tiếng nào hết.

Nhịp nhàng ! chiếc yếm nhiều đào, dây lưng lụa bạch, mớ đuôi gà dờm dảng, bộ xà tích ngậy thơ ; khúc điệu Việt-nam thời trước còn âm thầm ngụ bản Nhạc thiên nhiên.

Và « tiếng sáo diều, tiếng vỗ đập đất », cả một vùng cây cỏ của đất nước nghìn năm, còn phảng phất gợi một ít ý nhạc cổ hữu, dù trong lòng kẻ đã mấy đời ly hương đề mưu sinh nơi xứ lạ.

Trong những điệu cũ kỹ, ta còn mong bắt gặp tiếng Nhạc căn bản của lòng ta, để gây thành những Điệu mới : trong, đẹp và thật.

Điệu, sắc thái từng linh hồn, hương vị từng giang sơn, không khí từng thế kỷ.

Khuây khỏa cái Nhạc u hoài.

Sầu của « tôi » tan trong vụn cở sầu của « Ta » vị cay trong hồ rượu.

Từ mỗi nguồn Nhạc, phát sinh bao dòng Điệu, đề cùng khuấy khỏa trong biển cả Nhạc-Đời-Đời.

Lòng yêu (— Lòng Tin, — Thơ) hòa cái nhịp « Tôi » cùng cái nhịp « Ta » — Minh tự vượt mình.

Đạo lớn trong hoàn vũ : NHẠC ĐIỆU.

Từ « Tôi » đến « Ta » có ba vòng tu luyện ;

1. Hội ý NHẠC (Trí thức)
2. Tìm ĐIỆU thật (Sáng Tác)
3. Thấu tới NHẠC ĐỜI ĐỜI (Đạo lý)

Nhịp nhàng trong Siêu Thoát, diu dặt khoảng Đất Trời, — trong trình bạch ở huyền đời đã gặp, nét diễm tình trên chén ngọc chưa tan. (TA), VÔ CÙNG, — LANG LẼ.

Đáy biển

Trời sao

Lòng TA

Cùng im lặng, thanh hư.

Những tiếng vi vu, chỉ là tiếng dội của Nhạc-Đời-Đời. Và khi tai lắng giọng vàng, là lúc hồn chìm Lặng-lẽ.

ĐOÀN PHÚ TỬ
PHẠM VĂN HẠNH

Thi văn trích tuyên :

XUÂN THU THU LẬU

QUAN-NIỆM

Trong cái « bát nháo » của người, ta tự vạch con đường
Soi sáng cái đạo thực.

Trong cái vô ý thức của đời, ta tự thực hiện.

Tới cái ta thuần túy ; trí thực tuyệt vời và tuyệt đối.

Ta có là những kẻ trốn loạn nhà Tần, người hiền trong
rừng Trú ?

Nhưng ta vẫn dựng xây.

Ta muốn cứu vãn Trí Thức, một niềm phụng sự cái
Nhạc-Đời-Đời, thường bị cái nhất thời che lấp.

Một niềm tín mộ, ta muốn tạo thành một Tư-tưởng
theo cái nhịp điệu vĩnh viễn, thâm trầm.

Ta gắn đặt đến Ta theo những đường nhịp nhàng Văn
Chương, Nghệ Thuật, và bao trùm hết cả, Thơ (lòng Yêu —
lòng Tin).

XUÂN THU kết trong hệ tư tưởng gồm ba mối chính
sẽ lần lần giải bằng mọi phương tiện và khi cân bằng
lặng lẽ :

Trí thức

Sáng tạo

Đạo đức

Triết lý, luân lý, văn chương, nghệ thuật, hành vi đều
vươn đến chỗ « trong ».

XUÂN THU THU LẬU

161

Tới cái gì không vụ lợi, cao quý, khó khăn.

XUÂN THU linh hoạt một tinh thần tiên phong.

Mình tự vượt mình, đề luôn luôn đến đầu ngọn sinh
hoạt : trời với dòng sông không ngừng.

Giấy cái thẻ quân bình, trong sự phát triển điều hòa.
Đây là Trật-tự. Đây là Thái-bình. Đây là Sáng-tạo.

XUÂN THU có một phần tiêu thức.

Tìm con đường thực, nối liền nguồn gốc xưa với những
ước vọng nay.

Gọi về những tính cách riêng của ta, đề có thể xuôi chảy
trong cái dòng sông thực của ta. Không quanh co, lúng túng
với ảnh hưởng ngoài.

Cuộc sống của ta phải phát triển trên cái nền móng thực,
là ta trước hết.

Ngắn cái họa mất gốc. Hai nghìn câu «Đoạn Trường Tân
Thanh » đã cứu sống ta trong lịch sử, cũng bằng hai mươi
quân Sát Đát.

Văn chương, tư tưởng lấy quốc văn làm khí cụ độc nhất,
đào luyện trong cái đặc biệt của ngôn ngữ Việt-nam.

Nghệ thuật, đạo lý, cũng phóng túng khoáng nở trên
nền tảng cổ hữu và trong cái thực của ta.

NHẠC ĐỜI ĐỜI

Phần đại thừa của XUÂN THU

XUÂN THU theo cổ tự : có hoa này nở dưới mặt trời,
và bông lúa chín. . . Một biểu tượng đương nhiên, cái Nhịp
của cuộc sống vô cùng. Sắc xuân và hương thu. Hai mùa
quá độ, uyên chuyển trong khoảng cao, trong, nhẹ. . .

Hai mùa thực hiện Đẹp và Thơ.

Hai mùa rung động cảm thông Người với Đất Trời,
Trời Đất và Người.

Có những tâm hồn hiến cho XUÂN THU. . .

Biết đâu một bên trời, không có một tâm hồn « Xuân
Thu », một tinh thần tiên phong đi cầu Đất Thánh, vì một

Thích Ca đi tìm Giác Ngộ, một siêu nhân làm một thủ đoạn trong trời, một tinh nhân còn biết chết vì một nụ cười.

Ta đã nhận cán bút của XUÂN THU. . .

Ta sẽ trao cho ai. . .

Xuân Thu



THANH KHÍ

Một điều nghĩ đã ghi trên một mẩu giấy : « Cái làm khổ nhất của loài người; tai hại nhất và bi thảm nhất, có lẽ là cuộc đời đi tìm hạnh phúc » ; André Gide cũng làm nốt : « *Que l'homme est né pour le bonheur, certes toute la nature l'enseigne* » (Les Nouvelles Nourritures). Cái làm ấy đã làm bao nhiêu cuộc đời trở nên bao nhiêu tăm tối tăm kịch. Người ta cuống đại xô nhau đi tìm hạnh phúc, cái mầm đau khổ.

Ta muốn quan niệm một cuộc sống không lấy hạnh phúc làm đích.

Sống, đó là sự đương nhiên, kẻ hiền giả phải tìm cách sống cho xứng đáng, phong phú, nhịp nhàng với cuộc sống lớn của vũ trụ, cao quý và đường bệ.

Không còn chút trang trọng gì nữa, không còn vẻ thanh quý gì nữa, cái canh một con người, đáng lẽ đường bệ biết bao ! — quý, khóc, kêu, gào, van xin hạnh phúc ở những đáng chỉ cao nào trong tâm hồn.

Trong cuộc sống hiền giả trong trời, nhịp nhàng và sáng sủa, tất nhiên lấp lánh bao nhiêu hạnh phúc, như sao trên trời quang. Mà hạnh phúc, thực chỉ nên và chỉ có thể quan như những đốm sao lấp lánh. Tìm một cõi phúc sáng lộng như mặt trời, ôi ảo tưởng !

« SỐNG » đó là tất cả bí quyết của cuộc sống. Đạt được, an nhàn bao nhiêu. »

Một điều nghĩ đã bao lâu nay gieo im thâm trong tâm tưởng, và đã giục tôi tìm người đồng điệu, để cùng dặt tay nhau tìm một nguồn sống « trong trời, nhịp nhàng và sáng sủa ».

Tôi đã cùng các bạn tìm thấy con đường tốt đẹp. Đã tan rồi những niềm khắc khoải. Chung nhau cùng một nỗi băn khoăn ; xây đền Thơ, Nhạc để điều hòa nhịp sống của tâm hồn.

Tôi và các bạn, — đã bao lâu rồi — tay cầm tay, cùng tha thiết một điều nguyện, cùng ấp ủ một tâm thành.

Đền đã xây, « thơ » đã bao trùm vũ trụ, « Đàn » đã vắng vắng Xuân Thu.

Còn những bạn nào nữa đây, ở những bến trời xa lạ, cùng chúng ta « giữ áo lên Đền », trong một điệu thanh khí :

ĐOÀN PHÚ TỬ



Đêm về khuya, đèn dần sáng tỏ. Bài vở chấm gần xong như bướm là kín bàn ; cây bút chì xanh đã lụn cả hai đầu. Công việc hàng ngày mãi đến giờ này mới tạm hết.

Tôi đứng tựa lan can. Vòm gió cuối đông uốn cong bóng sấu bên thềm. Con đường thành phố đang co rút trong sương. . .

Gần như một mình tôi đứng lại bên bờ trong khi các bạn hăm hở vỗ thuyền nơi sông xán lạn. . . Mới biết cái đời cây cỏ mà bao trùm cả tòa tháp Đế-Thiên, ngọn khói vờn nóc bếp đã làm át bao nhiêu ánh tuệ giác !

Chắc bên trời vào những đêm năm đang ngã màu như bây giờ, còn biết bao tâm hồn đang khắc khoải « nhưng sao » ?

Họ và tôi đã đề việc đời ràng buộc. Họ và tôi đã yên cho gai góc trùm cây. Chưa lúc nào chúng ta được nhả ra ngoài để lặng lẽ nhìn thấy chúng tôi quay. Chưa lúc nào chúng tôi đủ nghị lực để vén lá, bề cảnh, đề lên cao nhìn bốn phương trời. . . Họ và tôi đã nghỉ trong khi sống.

. . . Hôm nay lại theo bạn giảng buổi ra khơi, tôi muốn gởi một tâm hồn nọ một khúc nhạc « tương liên ».

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC



Ta mơ :

Trái nồng say, ly rượu thiết tha đầy đưa khúc hát
mặt trời.

Đường ánh sáng hẹn mở bốn mùa đến bốn nghìn mây.

Đôi hàng mi, giọt lệ nắng, bình hương tóc đương
nghiêng, trang sách từ ngọn Hằng-Hà-Giang đượm ếp mây
rừng trầm.

Ta đi vượt cái đang tìm, nên đã biết. Biết nên ta muốn.

Giây phút mến yêu, giàu chút xa. Suối ngọt và đã khát
tình lại về vì biết đau thương.

Ta hẹn đứng một mùa lặng im để tạc tròn một trái tư
tưởng. Đưa giác quan hứng cái đẹp mong chờ. Cỏ cây còn
tìm nhịp rộng của ta.

Xây thế hệ mới cỏ cây, đất này và không khí kia, và
các tâm hồn nhân thế, chỉ riêng cho cái ĐẸP VÔ-CÙNG được
mọc, nảy nở, bay hương.

Ta chưa dâng cho mỗi người (người biết cái đẹp) ly
rượu mới, tỏa cái say mới, lửa cái đẹp mới vào lòng người ?

Giờ qua, cho ta hưởng trang sách mới, ôn những bờ
lạ lòng — trời hoang dại — đựng những tâm hồn chưa
quen biết (rừng thương ủ kín bấy lâu. . .)

Những tâm sự chưa mên bao giờ ; những con mắt lạ
nhìn ta sống mộng tràn ngang như thác vỡ !!!

Nghệ sĩ ngày nay phải chịu cái trách nhiệm tạo thành
những mỹ cảm ngày sau, những xúc động sau, những tuổi
sau, những vô biên mới, những vĩnh viễn ngày mai.

Đi đường ta. Hơn ta.

Nghệ thuật trộn vào chút đau hay vui, chút lạnh hay
ấm đều ướp vào sức sống có một mà gặp nhiều, cuộn tròn
trong các nguồn rung động sâu và tươi.

Hãy là ta ; lâu sẽ thành, duyên sẽ mọc. Buồm sức rẽ
mang sự thoát ly ra đến bốn trời.

Là ta, đúc tâm trí bấy lâu. Dựng xây trong Tiếng Ngọc
của Người.

Tư tưởng, như cảm tình, cảm xúc, vun trồng dần đi.
Vươn đến nơi gió hương giao nhau trong một chỉ mộng
màu hương.

Tâm hồn ta mỹ lệ.

Ta yêu, hay tin ?

T H Ơ

T Ì N H Y Ê U

N È O Đ A O

ba vòng nhịp điệu, lẽ nghi bồng tới cái gì — không — xuống

Quên cái đã gặp, ngã về cái chưa tìm, nhớ cái sẽ mất,
Trí thức đương khác khỏi Tuyệt-vời, hay ấy tiếng đời
đương khóc ? Là ta, là Người, và lãng lẽ.

Một chùm đời hiển dằng.

Một lời đi ngạo ngạt tâm thành.

Một luồng hương.

« Một luồng hương tươi thắm đã qua vạn trời hồn. »

Lầu thơ hiển hiện duyên trăng.

Dinh Mười, một mùa xuân

NGUYỄN XUÂN SANH



THIỆN - CHÚC

« Tư giác nhi giác tha. »

(Phật)

Tôi là gì ?

Tôi biết gì ?

Trời đất bao la, con người chẳng qua như « cò nội hoa
hèn ». Từ thuở mịt mù nào cho đến ngày không bao giờ sẽ
tới, sóng gió không ngừng trong vũ trụ, mà ta chỉ là hình
bóng mập mờ của một mây cát bụi mong manh, tan biến
trong một khoảnh khắc thoáng như không.

Nhưng khoảnh khắc đã thành, và trong mây may cát bụi đã có muôn đời sống gió. Sức sống dào dạt không cùng đã toàn hiện trong thân hình bé mọn ; muôn ngàn số kiếp luân hồi, trong giây phút đã tụ lại để thành TA.

Phút giây đã gồm thân vĩnh viễn.

Và trong « giây phút vĩnh viễn » TA đã là TẤT CẢ, và tất cả đã bừng sáng hoàn toàn trong Ta.

Nhưng Tôi là gì ? Và tôi biết gì ?

Từ cái «tôi» dày đặc, tối tăm, biến trong khoảnh khắc đến cái «ta» sáng suốt, không cùng, đã là một cuộc giải phóng, một sự giác ngộ.

Trước khi sinh, ta đã có tự bao giờ, trong sức sống vô-cùng-tận của Tạo-vật, — và ta vô hình tức là ta vô hạn. Từ lúc có hình thể con người, ta đã bắt đầu nằm thu trong cái vỏ nhất thời, mỗi ngày một dày đặc, cách biệt ta với vạn vật. Và ta đã thành tôi riêng chiếm một khu đời chật hẹp, đối phó với những cái tôi khác, với sự vật bên ngoài. Bao nhiêu nhu cầu, bao nhiêu cả tính đã làm cho những cái tôi khác nhau càng ngày càng cách biệt. Một dòng khí huyết đã tách ra từng giọt riêng và những anh em cùng cha mẹ đã biệt lập, mỗi người một cảnh đời, một cõi sống. Mỗi người một phận, không còn chung lẫn như hồi ngày đại.

Từ cái thể duy nhất đã chuyển qua cái thể song lập : Tôi với đối phương là vạn-vật, là tất cả những-cái gì-không-phải-tôi. Tôi đã tự xây một bức thành bao kín, mỗi ngày một dày, một kiên cố, bùng bít mặt mừng như dinh cơ một nhà phú hộ quê, như một nhà hầm chôn của — ai có nhớ chuyện người bà tiện trong tiểu thuyết Pháp, một đêm kia chết thảm trong hầm đã tự xây ?

Tôi đã thu trọn trong kén, như con tằm tự vương mãi đầy oan.

Ồi ! hẻo lánh là chừng nào ! hiu quạnh là chừng nào ! một mù thảm thiết !

Song con tằm vẫn nhớ ngàn dâu, đã tìm đường thoát kén.

Và trong vòng lao túng, ta vẫn nhớ cõi Vô-cùng, và đã tìm cách cảm thông với nguồn Đời vô-tận. Cái Tôi trần tục, cái Tôi nặng duyên kiếp, còn nằm trong vỏ kín, mà ta đã giác ngộ, đã giải thoát, hòa lẫn với thanh thanh, rung động nhịp nhàng với Nhạc thiên thu, theo Điệu tuyệt vời và tuyệt đối.

Thoát cái tôi dày đặc, tối tăm, ta đã sáng suốt vươn tới cõi Vô-Cùng bằng Tình-Yêu, bằng Thơ, bằng Tin-Tưởng.

Trí khôn vụn vặt, lòng vụ lợi, tính vị kỷ của cái Tôi ti tiện và ô trọc đã tan trong phút giây ; toàn thân ta chỉ còn là rung động, như chiếc đàn muôn dây và vô vàn cung bậc.

Trên cặp môi bờ ngõ, trong đôi mắt lặng lẽ chứa cả một trời gió sương ; trong áng tóc nào nùng trút muôn đời thương nhớ. Tâm hồn ta đã cảm thấy Cao-siêu, và đã thấm thía được chân lý của Số Mệnh.

« Ngàn mây trắng giang buồn muôn đời »

Và muôn đời đã gồm trong một phút giây nghẹn ngào, thồn thức.

« Một phút hương

Lộng »

Cảnh với tình đã hợp một, Ta với sự vật đã cảm thông trong một làn rung động. Ta đã tan trong Trời - Đất, Trời - Đất đã nằm trong Ta.

Không lý luận, không dò xét, không ngờ vực, không dụng tâm gì cả, Ta chỉ đi thẳng tới lẽ thật bằng con đường nhịp điệu ! Tình-Yêu, Thơ và Tin-Tưởng.

Ta là gì ?

Ta biết gì ?

— Ta là chiếc đàn muôn dây, rung theo nhịp điệu của vô cùng ; và trên cánh Nhạc, ta cảm thông với sự thật của Trời Đất, Sự Thật tuyệt đối.

Ta không là gì riêng biệt. Ta là *Tất Cả*.

Tất cả đã rung động trong Ta.

Ta đã là chiếc đàn vắng vắng Nhạc muôn đời. Ta cũng là cánh hoa ngoài đồng nội, nở theo Nhịp sống tuyệt vời.

Và ta đã tự nhiên có một Thiên-Chức :

Thiên-Chức của cây đàn. Thiên-chức của đóa hoa.

ĐOÀN PHU TỬ



T H O

(Thi tại ngôn ngoại)

Người ta đã thử và chưa từng giải nghĩa được Thơ. Như Giải-nhân, như Đẹp, như Trời. Người ta cảm thấy một cái gì siêu thoát, ra ngoài ước lệ, ở trên lý trí, nó rung động ta theo nhịp điệu vũ trụ, hồn nhiên, nó hòa hợp Ta trong cái Đẹp và ấp ta nằm trong sự Thật. Về man mác của cái đẹp và ý sâu sắc của sự thật. Do trong trẻo gan nên.

Còn lại « cái gì » mà ta gọi là THƠ.

Một cái gì không giải thích được, mà không cần giải thích. Nó chiếm đoạt ta tất nhiên, hoàn toàn, tức khắc. Đột nhiên ta nhảy đến cửa Trời như nhào vô lòng mẹ không xét suy. Bằng con đường thẳng hình ảnh, tiết tấu, lễ nghi. Âm thanh, màu sắc, mùi, giọng được hòa hợp thành những biểu hiện nhịp nhàng để kêu gọi những rung động siêu việt của bản nhạc Vô-Cùng. . .

Có rung động là có thơ. Phải cần và chỉ cần rung động ấy.

Âng thơm của hoa, vẻ trong của nước, thần của vạn vật, thơ của nghệ thuật. Trước khi thường thức hương, nhận chân sắc, dò hỏi trời, phân tích vui, trước khi dùng những phương thức lý trí, có ý thức, có thống hệ, để phán đoán, để hiểu biết, ta đã chịu sức quyến rũ mùi thơm, sự lan tràn của ý thích, ta đã cảm thấy đẹp, đạt được thật, đắm trong thơ, nát bản nghệ thuật.

« Mây Tần khóa kín song the

Bụi hồng lẻo đẻo đi về chiêm bao. . . »

Ngoài cái nghĩa xuôi câu ấy, và trước khi nghĩ đến nó, ta đã được cảm một cái đẹp trong trẻo gọi nên bởi âm thanh, cách điệu. . . nó mê hoặc ta ngay và đặt ta vào giữa cõi thơ như có thần trợ. Hay nói đúng, một cái gì trên cả âm điệu, không giải được mà chỉ cảm được thôi.

Ta đã bước vào xứ Lễ — Nhạc.

Nghĩa xuôi câu thơ, cảnh tả, chuyện thật, hay tình kể lẽ trong ấy, cái gì giải bay, thứ tự, rõ rệt đều không phải cốt thơ, vì không thuần túy, không vượt trên cách thông dụng vụ lợi của trí não ; và ngôn ngữ là lợi khi thứ nhất của trí não.

Những nghệ thuật ngoài văn chương như âm nhạc, ca vũ, hội họa, điêu khắc có thuần túy hơn. Màu, tiếng, vật thể, không phải vào tay ai cũng nảy ra nhịp nhàng, tươi đẹp. Còn văn chương hình như ai cũng tự nhận có quyền vào đây, vì lợi khí là ngôn ngữ ở trong cửa miệng mọi người hằng ngày. Ngôn ngữ lại chính là lợi khí của trí não cần đối phó luôn luôn với sự sống, dùng để trao đổi ý tưởng cho nhau, giải thích sự vật, hiểu biết và hành động, nghĩa là có một chức phận vụ lợi, thực tế, xa bản cốt của Đẹp là thứ rung động xa vời, vô tư lợi, cảm thông với cái vô cùng, tuyệt đối.

Về hình thức, văn vần và văn xuôi là hai thể chính của văn chương xưa nay. Về tinh thần, văn chương có hai tính chất, có thể ở cả trong hai hình thể. Một là tính chất giải bày, thuộc lý trí, vụ ích lợi, nói gồm là tính chất « văn ». Hai là tính chất hàm súc, tiềm thức thuần túy, gọi là tính chất « thơ ». Quan niệm thật về « thơ » phải suy nguyên ở tính chất này. « Thơ » có thể có trong âm nhạc, trong hội họa, trong kiến trúc, nói rộng ra, ở khắp ngành nghệ thuật, và cả trong đạo lý, trong hành động, một khi đã gạt lảng những cạm bẫy mà còn tinh hoa. Đi sâu vào là gặp cái tinh túy của sự vật hòa với chân chất nhịp nhàng : một bài tính ký hà, một ngụy thuyết, một cái nhìn, một nỗi hận, một mùi cam.

Âm nhạc có cái tính chất ấy, không vụ tả tình hay tả cảnh bằng cách nhại lại âm điệu thiên nhiên; hội họa có tính chất ấy không cần diễn một đầu đề gì; một mỹ nhân hay một con bò họa chẳng chỉ là cái cơ nói thác những cái ở ngoài hình ảnh ấy, đời sống có tính chất ấy hà tất băn khoăn về thiện ác, chỉ cảm thấy đẹp do sự thật tươi trong, tức là đến tình trạng tuyệt đích, vượt ngoài ước lệ. Một bài văn chương, không cần liệt vào thể gì, loại gì. Chỉ có «thơ» và «văn» theo nghĩa tinh thần đã định, dù ở trong hình thức nào.

Sự sáng tác không cần phải lúng túng trong những khuôn khổ bất di dịch. . .

Một bài thơ là do sự phối hợp những âm thanh, chữ, hình ảnh, biểu hiệu, theo những niêm luật rõ rệt hay tiềm tàng, để khơi nguồn lưu thông cái run rẩy huyền diệu của thơ. Nó tràn sống sang người đọc, được rung động theo nhịp điệu của Tuyệt-đối.

Vậy người đọc muốn biết cái rung động ấy, cái đầy đủ trác tuyệt do một bài thơ dội vào tâm hồn, cái thỏa mãn thân bi của sự giao hợp sắp hoàn thành (phút giây, vĩnh-viễn) ít ra cũng phải được lên dây cùng cung bậc với cây đàn, với thi sĩ, với tình nhân. Người đọc cũng phải có *chất thơ*, có *cốt đàn*, có *nội tình*. «Thi sĩ» làm xong bài thơ có thể nói: bản đẹp chưa thành. Vì nó còn chờ tác giả thứ hai: người đọc. Cảm xúc truyền từ người thơ sang đọc giả, hòa hợp hai lẽ siêu hình, con sông thơ lộng một trời mới. Người đọc phải là «thi nhân», tái tạo cái vũ trụ bài thơ tạo ra. Có thể khác nhau những vũ trụ ấy. Mà làm sao không khác nhau được. Mà cũng càng nên khác nhau. Nên một bài thơ có thể cảm theo nhiều cách: những khúc hợp tấu vô cùng.

Hãy cùng ngắm:

«Thúy mi thiên phát sinh biệt ly»

và yên cho sóng thơ ngấm vào thần kinh hệ.

Thơ chỉ hình dung cái bản ngã thuần túy, cái bản ngã cuối cùng của thi sĩ hay sự vật. Thơ chỉ là một sự nhớ lại, một cuộc trở về của thi sĩ trong cái tôi của mình nằm trong

sự vật. Vì thơ không phải như nghĩa tặc, chỉ là một sự làm khoái tai, vừa ý, bằng cách khiêu động người ta. thơ sơ, dễ dãi. «Thơ» trước hết phải là sự trong trẻo, sự vô tư lợi, một cử chỉ vô lý do; không cần chứa cái gì, để làm gì, biết thế nào, tự nó có ý nghĩa, có cứu cánh ở nó; tự túc, toàn năng! Và cái gì đẹp là thật. Một chiếc lá, một lời đau, một khỏe mắt, một nhịp đồn... ai bảo là hư ảo? Đó là sự thật, ta cảm thông bằng tuệ giác, khi đã nằm trong chiếc lá, trong lời đau, trong khỏe mắt, trong nhịp đồn... Ta đã thấy «Thơ». «Thơ» chính một cách *trí thức* cao cấp. Nó đã bắt gặp Hình-Nhĩ-Thượng, đưa đến Tôn Giáo và thực hiện Ái-Tình, nghĩa là Vô Biên.

Thơ, Tình Yêu, Tôn Giáo đều nở bung trong tuệ giác.

Thi sĩ cùng cung bậc với giáo sĩ, với tình nhân. Mà một lời thơ, một lời cầu, một lời than là lời nói của Vô-Cùng. dấu hiệu của Tuyệt-Đối.

Thi sĩ cảm trong một chiếc lá, khi đã nằm hẳn trong chiếc lá, hòa trộn cùng cái lẽ thật muôn đời, là cái tinh-túy muôn vật, là chất «thơ» muôn nguồn gốc. Thi sĩ từ trong chiếc lá mà rung động ra ngoài và đã chầm đoạt hoàn toàn chiếc lá, đã cùng nó hợp một; có một phút thi sĩ đã là *chiếc lá*. Chứ không phải đứng bên ngoài nó, đi vòng quanh mà siêng năng tìm kiếm, xét dần dần những sắc thái, dần dần lĩnh hội được đề mô tả, giải bày, ca tụng một cách vụn vặt, nông cạn, thiếu thốn.

Đọc giả cũng phải theo con đường thẳng của thi sĩ, sẽ thấy được «thơ», cái gì thật là «thơ», sẽ thấy trong tuệ giác cái đầy đủ, tuyệt vời.

Không một sự cao quý nào mà dễ dãi tự hiềm bao giờ. Hãy nằm trong thơ, đắm trong nhạc, đừng vội muốn «hiểu» trước khi xúc cảm. Rồi sẽ hiểu, nhất là sẽ «*biết*» cái biết đầy đủ, trong trẻo, trọn vẹn, nhịp nhàng.

Nhập tâm hết những hình ảnh, âm thanh, cách điệu, lẫn trong sự mờ ám bên ngoài. Lặng lẽ mà chiêm ngưỡng.

«Châu Nam Hải thuyền chìm sông Thúy Ái,
Sóng Tiền Đường có áy bến Ô-Giang»

Chúng ta sẽ bước vào Trời, lòng tin đối với điện ngọc, như hạt thơ xanh kia là Trời của thi sĩ, phút ngọc của người. Thi sĩ đã tự giác, còn phần khai giác cho kẻ mười phương. Hai bầu sáng suốt kia sẽ cùng ngào ngạt một hương đàn. . .

Đừng luận lý với thơ, cũng đừng luận lý với người yêu, với giáo điều.

Thấu nghĩa từng chữ rồi những chữ ấy ở cạnh nhau sẽ nảy ra những âm thanh gì, hình ảnh gì, gợi trong trí não một vũ trụ gì *tức khắc*, mới mẻ, không phải phân tích, không phải phê phán; không cần phải tìm cho câu thơ, hay những câu thơ một nghĩa xuôi. Sau khi « cảm » thấy thơ một cách trực tiếp, vẫn có thể tìm « hiểu » những nghĩa xuôi bằng sự suy nghĩ.

Vậy một bài thơ có thể « hiểu » ra nhiều lối, dù có « cảm » một cách duy nhất. Nên đọc giả tùy theo trình độ trí thức mình, mà hưởng thụ ít hay nhiều. Cùng một cảnh trăng, cùng một nụ cười, cùng một tiếng đàn, kẻ dung phu hay người tài tử có lẽ chung một thứ cảm (rung động là rung động) nhưng phong phú không bằng nhau. Nên thi ca cũng phân nhiều bậc. Tiếng « thơ » trong bài này chẳng qua đã hiểu theo nghĩa cao đẳng vậy. Đọc giả lĩnh hội được hay không, tưởng không phải điều quan tâm của thi sĩ. Thi sĩ đi tìm « thơ », tìm « lẽ thật », tìm « mình ». Thật sự chỉ ở đó, nguyên nhân lòng ham mê chỉ ở đó. Và biết đâu mỗi người trong đời không chỉ tự giác ngộ được mình thôi. Và câu :

« Bán hợp quỳnh diên tô hợp hương »

trước khi gió đưa qua hồn chúng ta, đã là nhị hoa của vườn Lý Bạch.

Tính chất của « thơ » tự nhiên đưa đến tính cách làm súc tinh mạc, tổng hợp; đặc tính của Á Đông, và tất cả nền văn minh ấy. Ngôn ngữ, cú pháp Á Đông rất thích hợp cho thơ, phát hiện bằng toàn hình ảnh, hương sắc, xếp đặt một cách uẩn, huyền diệu. Tứ thơ thường ra động lại trong những bài thơ ngắn (tứ tuyệt, câu đối, rô-bai, hai-cai) cốt gợi

hơn là tả những tình ý đẹp, bằng một vài nét rộng rãi, khả dĩ chứa cả một vũ trụ siêu hình, mở những chân trời bao la, rót vào giác quan bao nhiêu thế giới Lý-tưởng :

« Đầu cành quỳnh nhật, cuối trời nhạn thưa. . . »

Mà lòng ta cũng mang mang một cảm tình vô hạn. Đột khởi ta được ban phước, cái phước thâm trầm, xán lạn, không hẹp hòi.

Ảnh hưởng Phương Tây có thể tốt cho « văn » hơn cho « thơ ». Luận điệu Phương Tây có thể giúp cho lối diễn tư tưởng của ta được có phương pháp, nhưng *không thể và không nên* chen vào lối diễn cảm giác riêng của ta, cái đẹp riêng của ta. Phần trên là phần chung, phổ thông được, phần « văn ». Nhưng phần dưới là đặc biệt từng dân tộc, bình khí từng giang sơn, phần « thơ ».

« Duyên kia ai đợi mà chờ,

Tình kia ai tưởng mà tư tưởng mình. »

Ta biết ngay đó là hơi gió tự phương nào.

Từ cuối thế kỷ trước, thơ Pháp nhờ dòng « tượng trưng » đã gặp thơ Á Đông, ở chỗ uẩn súc, huyền ảo. Hình ảnh Rimbaud, cú pháp Mallarmé, kiến trúc và triết lý Valéry, muốn bỏ lối diễn giải phân tích, sáng sủa mà đạt thơ bằng sự *trong trẻo*. Họ hết công tu luyện để đến gần sự thật. Cái mà thời nhân có thể cho là hấp thụ của Phương Tây, thì người Á Đông ta, có cái tri cổ sơ, trực giác ngay từ lúc đầu, nhờ một ngôn từ đặc biệt. Tìm Thơ Vĩnh-viễn, ta trở về nguồn : Ta.

Có thể nói : Thơ cho ta cảm thông với tuyệt đối bằng những biểu hiệu điều hòa. Nội giới ta, dưới mặt sáng sủa của ý thức (chỉ là phản tương đối, ích lợi, phần « văn ») còn những lớp dày đặc của tiềm thức và vô ý thức, nơi ẩn lẽ thật, cái thuần túy, cái « thơ ». Một bài thơ không được hiểu như một bài văn, một cách lộ liễu, nhất định. Phải chứa nhiều sức kêu gọi, ý ở ngoài lời, đúng với sự thật sâu sắc bao trong toàn thể. Chỉ có một đạo lý và một đạo : là THƠ.

Vậy thơ không cần lúc nào cũng rõ nghĩa vì nó không chủ động trong địa hạt ý nghĩa, không phải lúc nào cũng sáng sủa vì nó không vự phát biểu cái phần sáng sủa của tâm linh nó giữ phần sâu kín, nó giữ phần sâu sắc; không phải lúc nào cũng theo lý luận, vì nó chịu sức chi phối của những luật vô hình; không lúc nào cũng đề chỉ bảo một cái gì; vì nó không vự ích lợi thực tế. *Thơ là cái gì huyền ảo, tinh khiết, thâm thúy, cao siêu, cái hình ảnh sự khắc khoải bất diệt của muôn vật: cõi Vô Cùng.*

« Thơ » là Đạo, cái đệ nhất nguyên lý, sẽ sáng tạo được vạn vật, khi đã chia âm dương. Âm dương phải tương đối mới có sáng tạo, phát huy được cái Đạo nguyên thủy.

Có thể viết thành cái vòng tương sinh:

ĐẠO + ÂM + DƯƠNG
SÁNG TẠO RUNG ĐỘNG
THƠ ĐẠO

Và điều kiện cần và đủ của cái rung động kia là: Siêu-việt, trong trẻo, nhịp nhàng. (Nó phải cho ta cảm thông với Tuyệt đối, và được truyền diễn một cách thật và đẹp. Như thế THƠ mới bắt kịp ĐẠO, cái lẽ cuối cùng. . .)

Đứng trước một hiện tượng đẹp như nước thu, rừng chiều, một cảnh sắc xinh như khóm mắt, làn môi. . . người ta thường nhầm nhóm khen là: « nên thơ », là « tất cả một bài thơ ».

Nhưng, như trên đã nói, một vật chỉ là « THƠ » khi nào có rung động và chỉ là « BÀI THƠ » khi nào có truyền lan sự rung động ấy.

Người thứ nhất cùng rung động với chiếc lá, đã tạo ra « chiếc lá thơ », và đã là *thi nhân*, như thường nói: người có « hồn thơ » cảm được vật « nên thơ ».

Mà người thứ nhất truyền lan được cái rung động ấy, ghi mãi được « chiếc lá thơ » kia, bằng một cách nào « thật » và « đẹp » — như bằng lời:

« Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương. . . »
đã tạo ra « bài thơ chiếc lá », và đã là *thi sĩ*.

Một khóm mắt, một làn môi. . . là « thơ » ngụ trong người đẹp, mà người cảm được là « thi nhân ». Người đẹp thành « thi sĩ » ấy là người tiết phụ truyền lan cái rung động bằng đôi hạt nước mắt long lanh; ấy là gã si tình, dù bằng một sự ghen ngào, thắm thiết. . .

« Bài thơ » đã thành.

Lúc Thôi Oanh-Oanh quay mặt đi, vành trăng lông mày ăn vào đám mây tóc. . . Về kiểu lệ ấy chưa phải « bài thơ ». Nhưng bước chân nàng in trên cát, khi qua cửa phòng Trương Quân-Thụy đề vẽ phòng mình, lúc đầu còn đều, sau lún xuống như ngập ngừng, bịn rịn rồi vội vã biến mất như e người trông thấy. . . Điệu cao thấp ấy đã là « bài thơ ». Và chàng Trương đọc được tình Oanh-Oanh trên bài thơ Cát, đã là « độc giả » xứng đáng, đã có chất thơ, có cốt đàn, có nôi tình. . . đã là « thi nhân ».

Mà Trương *thi-nhân*, Thôi *thi sĩ* phải chăng « cùng người hội một thuyền đầu xa... » nhờ sào từ một bờ Rung Động ?

« Thơ » sức mạnh đầu tiên, phát sinh muôn nhịp điệu.

Vì như chất điệu bằng bạc trong bầu trời. Sự truyền điện là « bài thơ » — « Bài thơ » không phải một cảnh, một vật. « Bài thơ » là một SỰ — Bộ dẫn điện âm dương là « thi sĩ », ngọn đèn điện tiếp thụ được cái sức sáng do dây truyền tới là « thi nhân ». Thơ là nguồn sinh lực; thi nhân hưởng thụ và thi sĩ truyền lan sinh lực ấy.

« Thơ » như thần linh: con đồng là « thi sĩ », tạo được « bài thơ cảm thông », nối thần linh với đệ tử là « thi nhân ».

« Thơ » như tôn giáo: giáo sĩ là « thi sĩ » tạo nên « bài thơ giác ngộ » cho tín đồ « thi nhân ».

« Thơ » như tình yêu: « thi sĩ » là người cung nữ thả « bài thơ lá thắm », người vớt lá là « thi nhân ».

Ở các ngành nghệ thuật:

« Thi sĩ » truyền và ghi được cái rung động tuyệt vời lên bài thơ tranh : ấy là họa sĩ (nếu không, chỉ là họa công). Mà « thi-nhân » đây là người cảm được cái rung động của bức tranh.

« Thi sĩ » Bá Nha đầu tiên cùng rung động với non cao nước chảy, trên bài-thơ-đàn : ấy là nhạc sĩ (những người đánh lại khúc Cao-Sơn, Lưu-Thủy chỉ là Nhạc-công). Mà « thi nhân » là người tri âm Tử Kỳ. . .

Trong chính địa hạt văn chương, quan niệm « bài thơ » không nệ ở hình thức, ở khuôn vỏ ngoài.

Người làm những bài thơ theo nghĩa thông thường, chưa hẳn là thi sĩ hay thi nhân, vì chưa hẳn đã đạt được « thơ ». Hãy gọi riêng là Thi-gia, một danh từ trong nghề.

Là « thi sĩ » nếu thi gia hoặc văn gia đạt được « Thơ ».

Là « Bài Thơ », nếu bài văn chương (dù ở thể nào, loại nào) có chất « Thơ », hàm súc cái rung động siêu thoát, phảng phất cái hương vị tuyệt vời. . . và giá trị nó định ở cái lượng hàm súc cùng cái phẩm phảng phất kia, truyền diễn nhịp nhàng trên cánh nhạc, bỗng tới chỗ Trong, Đẹp, Thật : Đạo trong nghệ thuật.

Một trang Bergson, một thiên Trang Tử, một vở Musset, một truyện Bồ Tùng Linh. . . là những « bài thơ » trong hình thể ngôn ngữ, ngang với những câu của Tagore, Nguyễn Du, Valéry. . .

Nhưng,

« Bài thơ » theo nghĩa chặt chẽ (kết bằng những câu có vần điệu, hay những niêm luật rõ rệt hay tiềm tàng) có được trọn vẹn cái lượng và cái phẩm nói trên kia. Nhiều gió và lợi gió. Đi thẳng và tới mau (nên đọc giả, thi nhân, tình nhân, tín đồ đều cùng theo con đường trực giác, mới đạt « thơ », đặc-đạo, cấp tính).



Tiêu chuẩn về hình thức « thơ » là tính cách độc nhất.

Đọc xong « bài thơ », ta bị y nguyên những câu, những tiếng của toàn bài chỉ phối. Hình-thể, cùng một lúc với hồn,

sống mãi trong ta (lương tính của thơ). Và ta không thể di dịch một âm thanh, một hình ảnh mà không phản bội và tàn phá.

« Tôi yêu cái-gì-chỉ-có-một. . . » tức là những « bài thơ ». Vì « tôi » là « thi nhân ». Vì « tôi » là người-đến-đạo, vì tôi là kẻ chung tình.

Và « thi sĩ » cũng chỉ tạo cái-gì-chỉ-có-một. Tìm những cách rung động mới, những lối truyền diễn mới, bao giờ cũng ở hàng tiên phong.

Quan niệm « Thơ » ngụ cái ý cần định lại những giá trị bất diệt bằng những khuôn thước thật, trở lại cái can hệ của tính thần. Đi về lối sự vật. Tạo lại mình và vũ trụ : BÀI — THƠ — MUÔN — ĐỜI. . .

(Trích trong Xuân Thu Nhã Tập)

ĐOÀN PHÚ TỬ

PHẠM VĂN HẠNH

NGUYỄN XUÂN SANH



SỐNG và VẼ

Tương lai rồi đẹp lắm. Chẳng nào ta đỡ thấy bản khoăn, nhớ tiếc, thêm muốn một thế giới gì hầu như vẫn có. Chẳng nào ta hết bức rút, như sẵn một nỗi mệnh mang oan uổng không thoát nổi ra lời. Chẳng nào Vẽ và Sống cùng được hòa theo một nhịp.

Giờ đây quần quai trong cơn mộng dữ. Vẽ rồi vẽ. Mà hồ xong một bức; nhìn lại, đã thấy xa hẳn những đường vẫn nghĩ. Còn chỉ những cảm giác thắc mắc bên lòng muốn ghi chép nổi lên tranh. Muốn, thường đi một đường, mà tay vẽ một nét, vẫn bội phần, đưa ra một nẻo.

Ta sống hằng ngày với bao nhiêu hình dáng thân yêu. Hình dáng đoán được trong cái nhìn quen thuộc, đầu tư ngàn xưa, một cái nhìn làm sống dậy cả một dĩ vãng êm ấm, mịt mùng. Một cái nhìn của người mẹ, một cái nhìn của người cha quê chất phác gặp bên ruộng đất. Hình dáng một giọng ru em, một câu chuyện kể, một lời tâm phúc. . .

Những hình dáng thân thiết đó bao trùm tâm hồn ta, khiến ta nhìn cảnh vật với những đường nét tất phải khác người.

Trừ ra khi nào ta lấy thước đo và kỷ khu ngồi ghi chép từng nét một của cảnh vật theo những qui củ dạy sẵn ở nhà trường, thì chúng ta mới không vẽ khác nhau cho lắm. Nhưng người cầm bút vẽ, đứng giữa tạo vật, đâu phải chỉ còn là đôi con mắt biết phân biệt và một cái tay biết đặt bút ghi đúng tâm, nhạc, dài, ngắn, một cảnh mình đương ngó. Ta cũng lại không phải chỉ còn khô khan là một khối óc lơ lửng có thể yên ổn tự vết và đưa ra những hình sắc, mà mong rằng sẽ thật hoàn toàn mới mẻ và bền vững lâu dài. Cho cả những khi không ngờ, ta vẫn cứ đủ cả giác quan và hơn thế nữa ta còn là một người bị ràng buộc với bao nhiêu thế hệ, với bao nhiêu hoàn cảnh, trường hợp rất phức tạp, với sự thực. Ta không thể tự cảm động tự nhiên, và rồi, để rồi nghĩ ngay đến một lối diễn tả thích hợp. Vì đó, đã nên bao nhiêu lối tả trong Mỹ Thuật, mỗi lối mỗi khác. Khác nhau ngay từ khi định tả.

Đừng nói những khi ta vẽ không hề cảm động, những khi làm việc đều đặn như một cái máy, theo những điều đã học. Trong những phút rung động, say sưa, ta thử bình tâm xét lại, cái nhịp điệu của những đường nét thực thà cảm thấy.

Có phải đâu những hình thù vô tư không nhúc nhích, không hòa hợp, và lẫn lộn, nhiều, đủ, như trong mọi chi tiết của ảnh chụp? Cái nhịp điệu đắm thắm nhất, cảm thấy trong giây phút đó, lại cũng không thể giống mọi nhịp điệu sẵn có của những tác phẩm đồ sộ khác về Mỹ-thuật đã được phô diễn ở mọi nơi nào trên thế giới. Nhịp điệu đó riêng biệt hẳn và chỉ có trong nếp nghĩ và lối diễn tả Việt-Nam.

Những câu ca dao, những ngổ, đình cò, những bước chân đi... mỗi mỗi thường mang theo ít nhiều dáng dấp của cái nhịp điệu vĩnh viễn ấy khiến ta còn nhận được cái phần sót lại quý báu, dưới mọi nước sơn phủ kỳ quái, và mong mau đạt tới thể kết tinh phong phú, hợp lý và huy hoàng.

Những ai là người đã từng băn khoăn suy nghĩ về cảm giác riêng của mình, cũng phải nhận đây là một điều có thực, cũng đã đều cảm thấy, và sẽ dễ đồng ý với tôi rằng: Thực hiện được Nhịp-điệu đó bằng một cách nào của Nghệ Thuật, tức là có công gây nên cái hoàn cảnh thuận tiện cho sự phát triển hồn nhiên sau này của cảm giác.

Lại ngẫm nghĩ riêng về những tác phẩm Mỹ thuật của mọi hồi cực thịnh trên thế giới, rồi đi lui lại, cho tới những đồ cổ sơ của những dân tộc đó, ta sẽ thấy những hồi thịnh chỉ là những hồi đã tìm được cách phô diễn, rục rịch và rõ ràng hơn, những mầm gốc tự nhiên có sẵn, mà bao nhiêu những thế hệ trước đã từng ghi chép lại một cách sơ sài.

Mỹ thuật Việt-nam đã trải bao phen bị hủy hoại, bị tàn phá hoặc bị dụng tình đề nặn bằng nhiều cách. Kiến trúc và Điêu Khắc lại thường dùng gỗ làm vật liệu chính, thì ở một xứ ẩm thấp như xứ này, lại thêm, luôn luôn, những trận lụt khủng khiếp, những cơn cháy hải hùng, tang thương đã không phải nhỏ. Di tích Mỹ-thuật của ta còn lại ít, ta cũng không nên lấy làm lạ. Mất tích quá đã nhiều, nhưng rải rác sót lại chút nào vẫn thừa duyên để lưu luyến, yên ủi, về cõi lòng mong mỏi cái Đẹp muôn năm của ta và còn đủ sức khuyến khích ta, thôi thúc ta luôn luôn theo đuổi công việc ấy. Những thời xưa đó sở dĩ để lại được cho ta những hình dáng quen thuộc mặn nồng và hồn hậu hơn những « bộ tịch » « lai » trong tranh của chúng ta cấu tạo hàng ngày, là vì người xưa đã thực thà hơn chúng ta ngày nay, nên đã ghi chép nổi cái Nhịp-điệu đặc biệt, hàng thân thiết về Hình Sắc của Trời riêng cho Ta cảm thấy.

Không dụng tình phục cò, tôi chỉ tin rằng muốn tiến thì trước tiên phải thực.

Nhưng thực đối với chúng ta không phải chuyện dễ nên trong chốc lát, mà phải là cả một công trình cố gắng rất kiên nhẫn... để quên, để thấy. Cố gắng tìm ra thực với ta; thì rồi thật không thoát khỏi sẽ cảm thấy cái phần mà, duyên số ta, đã phải mang tự muôn xưa.

Cho tới nay, tôi vẫn tin rằng vẽ là luôn tìm lối phô diễn cái Nhịp-điệu thân thiết đó, mà nghĩ đến gột rửa những căn bã vướng óc mình, đã nhằm hấp thụ phải, tức là có chịu hy sinh cùng tận tụy ngõ hầu mong tiến trên con đường sung sướng hiểu biết chân thành sự Sáng-tạo Cao-cả.

Tận tụy mà cầu thì Chân Hạnh-phước sẽ đến, và mai sau đây mới thực thấy huy hoàng.

NGUYỄN ĐỔ CUNG

TINH TỤ

Từ nguyên tử đến tinh đầu, đời là một vũ trụ *động đậy* Thời gian chỉ nên xem như ảo ảnh của sự luân chuyển không ngừng.

Thề chết là hiện tại. Đời thay là quá khứ. Tỏa lan là chết. Tinh tụ là sống.

Hoa cỏ, người vật quay theo cái guồng Thiên Nhiên. Bao nhiêu đợt sóng không hồn trôi quanh con bờ vô tận !

Vun lấy một ít thề chết, đứng ra ngoài vòng Tạo Hóa, lập nên một nhịp điệu riêng, vinh thay những đảo sóng trên mặt bể hư vô !

Thích Ca dạy chúng sinh thoát kiếp luân hồi : Phật là những vị Siêu-nhân biết đứng lại để sức Mạnh hấp dẫn vạn vật tới con đường sáng.

Nghệ sĩ lấy tiếng, lấy dấu, lấy màu chung kết nên bản nhạc có một trên tử sách muôn đời.

Tinh yêu niu lấy phút mê ly, mà đá vọng phu còn mãi mãi.

Muốn cứu vớt trí thức, đừng hỗn độn, đừng đề trời, đừng tỏa lan, đừng bắt chước (bắt chước tức là chạy theo guồng máy của người). Hãy *tự* tinh thần về một phía, hãy *Tinh tâm* đề lừa Trời rơi tới cõi tinh vi.

Hãy có những đêm quân trường Ngũ-Trượng-Nguyên. Hãy khoác áo đen, hãy nhóm ngọn đèn hồn ở sức sáng các vì sao. Đề cảm thông với Trời, đề bắt vạn vật ngừng, đề có lấy sự sống đang muốn trôi đi. Đừng cho thề chết cuồng bạo Ngụy Diên đột nhập tâm hồn.

Hãy có những ngày dưới gốc Bồ-đề. Hãy nhắm mắt với đời đương qua. Hãy vòng tay, cho máu không chảy. Đề sáng suốt, đề tới Đạo. Đừng cho ma quái nhảy múa trên đường Giác.

Tinh tụ không hèn kém. Tinh tụ không a dua. Sẽ không thấy chung quanh, không thấy mình, sẽ phá dần những vỏ thành kiến, những lớp văn hóa. Sẽ tới cái « Ta » của muôn đời, và cảm thông cùng vũ trụ.

Sẽ như người tập bắn, nhìn hạt đậu thấy mặt trời. Sẽ như lòng tin chuyển núi lấp sông.

Tinh tụ là điều kiện của trí thức, của tiến bộ.

Hơi khác người Phương Tây, tôi muốn như tôi :

« Nathanaël, hãy *nhập thiền* »

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

GIỌT SƯƠNG HOA

I

Chiều đông đất Hậu-giang, sao như chiều xuân Hà-nội ! mà tôi lại chỉ dành với hiu hắt, — hơi thở mùa thu !

Tôi nhìn lên : mắt cô gái mười bốn. Mà bạn tôi thấy có người mặc chứng nan y, ngoài cơn dội, êm hưởng tia ấm nồm nồm.

Vài giờ nữa... Vài giây, con mắt, sẽ vẫn —

Màu tan vào sương.

Chúng tôi mãi ngắm trời, qua bãi tha ma không hay.— Trong ánh trong xanh, đã chôn bao nhiêu rồi cao vọng ?

II

Tôi muốn trang không hề mở

Sen còn giữ búp

— và lòng chưa tràn đầy

Cạch, cạch... Bàn tay nào mang đến một bó mền thương hay bàn tay trộm ?

(Tôi cũng chẳng có của chi, ngoài cái gánh tơ tưởng...) Đề tôi thấy lại trong mơ...

Tôi mò hạt mơ trong sách, bẽ trên tay một ý diễm kiều. Tối kia, ra phố. Chuông người tôi ngân vang các ngõ.

Thao thức chờ mặt trời. Hăm hồ lên lầu tuyết, —
Đích... Đêm nay, tôi xây mồ ảo vọng.

Hơi thoảng nhớ lay tôi trên đường Hoa. Cảnh xứ lạ,
mà sao hết quê nhà. Hớn hờ bước tới, hay êm dịu trở về?

Cạch, cạch... Đề tôi mơ một bài thơ xưa! Chỉ ngày
mai thôi, mặt trời trở lại.

— Cửa bật, gió ùa. Chỉ ngày mai thôi... Nhưng lòng
tôi đã lạnh.

III

Mỗi buổi thu tàn lại cuốn theo quầng ngày xanh mà
giục ta nghĩ đến những mùa chuyển tới. Thu tàn ở đây
cũng nhiều diễm lệ, không phải chỉ màu nắng bạo tàn.
Những chiều trong vắt, và những đêm trăng, sáng như điều
hoài niệm.

... Những ngày mệt mỏi ta nằm giạt trên bãi cát khô,
sân lòng đợi một buổi mai bụi trắng chôn vùi; — nhưng
kiếp sau... có bao giờ tới bến?

Cám ơn trời ban cho ta sức sống trong thời gian một
buổi sớm.

Buổi sớm ngát ngào mùi sen trên mái tóc đương tơ.

Sao ta không tiêu tán giữa buổi tung bưng ngày hạ.

Phù dung kia chỉ nở một ngày đề ngâm ngợi muôn đời
xinh đẹp, rồi tàn trong bóng tối ngàn sương...

Thu tới làm chí, với rất nhiều mỹ lệ.

Hậu-giang những ngày gió

PHẠM VĂN HẠNH



LNS.— Như đã nói, thi thơ của nhóm Xuân Thu Nhã
Tập là những sáng tác hàm súc tứ thơ kín đáo, bí hiểm. Đọc
xong, dù những hồn thơ nhạy cảm đến mấy, cũng không dám
quyết hẳn đã đạt hết ý thơ. May thay, những ai thích nghiền

cứu phái thơ tượng trưng này cũng còn đôi người giải thích
như bắc nhịp cầu thông cảm giữa thi nhân và khách yêu
thơ. Ta phải kể trước nhất là hai ông Hoài-Thanh — Hoài-
Chân chú giải về bài *Màu thời gian* của Đoàn phú Tứ. Thi
thơ của tác giả này tương đối dễ hiểu và âm điệu dễ rung
cảm hơn. Nhất là bài *Hận ly tao*.

Đây, ta hãy đọc *Màu thời gian* và nghe ông Hoài-Thanh
Hoài-Chân bình, chú:

Màu thời gian (1)

Sớm nay tiếng chim thanh

Trong gió xanh

Đi vương hương (2) ăm thoảng xuân tình



Ngàn xưa không lạnh nữa, Tần-phi (3)

Ta lặng dâng nàng

Trời mây phảng phất nhuộm thời gian (4)



Màu thời gian không xanh

Màu thời gian tím ngắt (5)

Hương thời gian không nồng

Hương thời gian thanh thanh (6)



Tóc mây một món chiếc dao vàng (7)

Nghìn trùng e lệ phụng (8) quân vương

Trăm năm tình cũ lia không hận

Thà nép mây hoa thiếp phụ chàng (9)



Duyên trăm năm đứt đoạn

Tình muôn thừa còn hương

Hương thời gian thanh thanh

Màu thời gian tím ngắt (10)

(Ngày nay)

CHỮ (bài *Màu thời gian*) :

1) Không ai ngờ một cái đầu đề có tính cách triết học như thế lại dùng để nói một câu chuyện tâm tình.

2) Hãy đề ý cái âm điệu văn vương của mấy chữ này.

3) Thi nhân mượn sự tích người xưa để giữ vẻ kín đáo cho câu chuyện. Xưa có người cung phi, nàng Lý phu nhân, lúc gần mất, nhất định không cho vua Hán Võ-đế xem mặt, sợ trông thấy nét mặt tiêu tụy vua sẽ hết yêu. Cái tên Tần-phi thi nhân đặt ra vì một lẽ riêng.

Ngàn xưa không lạnh nữa : Chuyện xưa đã hầu quên nay nhớ lại lòng lại thấy nôn nao.

4) Thi nhân muốn nói dâng hồn mình cho người yêu. Song nói như thế sẽ sỗ sàng quá. Và người thấy mình không có quyền nói thế, vì tình yêu ở đây chưa từng được san sẻ. Nên phải mượn cái hình ảnh *trời mây phong phất nhuộm thời gian* để chỉ hồn mình. Chữ *nuộm* có vẻ nhẹ nhàng không nặng nề như chữ *nhuộm*. Chữ *dâng* hơi kiêu cách.

5) Người Pháp thường bảo thời gian màu xanh. Nhưng thi nhân nhớ lại thời xưa, hồi người đương yêu, cứ thấy màu thời gian tím ngắt vì người riêng thích một thứ hoa tím, và màu hoa lẫn với màu yêu.

6) *Hương thời gian* là hương thứ hoa kia mà cũng là hương yêu, một thứ tình yêu qua đã lâu rồi, nên chỉ thấy thanh sạch, nhẹ nhàng.

7) Nàng Dương quý-phi lúc mới vào cung, tính hay ghen, bị Đường Minh-Hoàng đưa giam một nơi. Nhưng nhà vua nhớ quá sai Cao lực sĩ ra thăm. Dương quý-phi cắt tóc gửi vào dâng vua. Vua trông thấy tóc thương quá, lại vời nàng vào cung.

Đoàn phú Tử hợp chuyện này và chuyện Lý phu nhân làm một và tưởng tượng một người cung phi lúc gần mất không để vua xem mặt chỉ cắt tóc dâng, gọi là đáp lại trong muôn một mối tình triu mến của dâng quân vương.

Ở đây không có chuyện cắt tóc nhưng có chuyện khác cũng tương tự như vậy.

8) Chữ « phụng » rất kín đáo, chữ « dâng » sẽ quá xa vời, chữ « tặng » quá suồng sã.

9) Ý nói : thà phụ lòng mong mỏi của chàng; còn hơn gặp chàng trong lúc dung nhan tiêu tụy để di hận về sau.

10) *Tím ngắt* tả đúng mỗi tình diu dịu. Tím « ngắt » sẽ đau đớn quá.

H. T. — H. C.

BÌNH (bài *Màu thời gian*) :

Nói về toàn thể nên chú ý đến điệu thơ. Bài thơ bắt đầu bằng những câu dài ngắn không đều; âm điệu hoàn toàn mới. Kể đến bốn câu ngũ ngôn cổ phong, một lối thơ cũ mà thi nhân gần đây thường dùng. Bỗng chuyển sang thất ngôn; điệu thơ hoàn toàn xưa. Lối thơ cũng xưa, với những chữ « *phụng quân vương* » và những chữ lấy lại ở câu Kiều « *tóc mây một món, đào vàng chia hai* ». Nhưng với hai câu thất ngôn ở câu dưới thi nhân đã từ chuyện người xưa trở về chuyện mình. Những chữ « *thiếp phụ chàng* » đưa dần về hiện tại. Rồi điệu thơ lại trở lại ngũ ngôn với hương màu trên kia.

Thành ra ý thơ, lời thơ, điệu thơ, cùng với hồn thi nhân đi từ hiện tại về quá khứ, từ quá khứ gần đến quá khứ xa, rồi lại dần dần trở về hiện tại. Hiện tại chỉ mờ mờ nhạt nhạt, nhưng càng đi xa về quá khứ, câu thơ càng thiết tha, càng rức rở. Nhất là chỗ từ ngũ ngôn chuyển sang thất ngôn câu thơ đẹp vô cùng. Tôi tưởng đầu không hiểu ý nghĩa bài thơ người ta cũng không thể không nhận thấy cái vẻ huy hoàng, trang trọng của câu thơ. (1)

Trong thơ ta có lẽ không có bài nào khác tinh tế và kín đáo như thế.

H. T. — H. C.

(1) — Nhạc sĩ Nguyễn xuân Khoát có đưa phần bài thơ này vào đàn. Đoạn đầu bài nhạc đi rất mau rồi chậm dần. Đến đoạn thất ngôn nhạc lên giọng *majestoso*. Cuối cùng còn một đoạn lấy lại âm mấy câu đầu.

Tủi

« Vật mình tức tối mòng không xong. »

Nhắm mắt ôm vùi chiếc gối bông,
Bâng khuâng tìm giấc phấn hương nồng ;
Phấn hương chưa ủ tình yêu lạnh,
Em chết ! trời ơi ! anh tủi lòng ! . . .

Đoàn phú Từ
(Bào Tinh hoa, số 4, 17-4-1937)



Ánh trăng

Mãi miết đường đời đã bấy lâu,
Biếng nhìn trăng cũ muốn quên sầu ;
Đêm nay bỗng thấy bên song ngõ
Một ánh xanh mờ thoáng tự đâu,
Leo lét gọi khêu tình quá vắng,
Lòng thơ bao xiết nỗi thương đau :
Vùng chấn toan rũ màn đen tối,
Mất lệ dờ trong vành ngọc cao.

Hoàn phú Từ
(Bào Tinh hoa, số 2, 20-3-1937)



Và đây là chú giải của Diệu Anh về thơ của Nguyễn xuân Sanh và Phạm văn Hạnh trong bài *Độc Xuân Thu Nhã Tập*, đăng ở báo Thanh Nghị.

Nhận định về Nguyễn xuân Sanh, Diệu Anh viết như sau :

« Khi tôi nói đến thơ của ông Nguyễn xuân Sanh với người quen biết, nói vừa dứt tên tác giả, tôi bị vội vã ngắt « *Thơ ấy chịu sao được* ». Người ta kêu ông Xuân Sanh lập dị và người ta công kích không nghi ngại gì cái lối thơ tối tăm, bí hiểm của ông. Thực ra thì trong lối kết án nghệ thuật của ông Xuân Sanh có nhiều công kích vội vàng. Chỉ vì lẽ lý trí không trông rõ ngay trước mắt mỗi giềng tư tưởng trong thơ mà vội chê thơ ấy khô không có giá trị thì kẻ cũng quá sơ sài. Tất cả cái lý thuyết trong bài luận về thơ « *THƠ* » là đề bệnh vực cái lý tồn tại của nghệ thuật

thơ trong sự sáng sủa, không cần làm hại cái luân lý của lý trí (logique intellectuelle) nếu áp dụng cái lý thuyết ấy, vị tất đã là dỡ. Nếu ta xét thơ của ông Xuân Sanh theo quan niệm thơ văn được lưu hành thì là thất sách. Phải xét thơ ấy dựa theo quan niệm đặc biệt trong bài « *tiểu luận* » *THƠ* hoặc nếu ta muốn chê trách cái lối tối tăm của lối thơ ấy ta phải thăm xét lại cái lý thuyết nguyên do và sự thực hành lý thuyết ấy bởi các tác giả . . .

Quỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi

(Buồn xưa. Nguyễn xuân Sanh)

Hoa quỳnh (hình ảnh), *chiều* (gây cảm giác) chiều ư dĩ vắng, và buồn. *Nhạc trầm mi* (tiếng nhạc, hương trầm mi mắt giai nhân). Câu thơ làm rung cảm các giác quan ta, làm rung cả tâm hồn. *Hoa Quỳnh* ; buổi chiều nhạc êm, hương ngát, mi say đắm. Sau khi ta tìm hiểu câu thơ « *Nhạc trầm mi như động trên hoa buổi chiều* . . . »

Quỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi

Hồn xanh ngát chờ dấu xiêm y.

Buổi chiều trong hoa quỳnh, vắng nghe nhạc, người thấy hương trầm, trông thấy mi kỳ nữ của cả một đời xưa, Hồn ta say sưa vì đẹp dĩ vắng « *Hồn màu xanh tươi, ngát hương* » Chờ mang dấu xiêm y của các mỹ nhân thời xưa múa khúc nghệ thường.

Nếu hai câu thơ ấy ta dùng để định giá trị nghệ thuật của ông Nguyễn xuân Sanh thì chỉ có lợi cho thi sĩ. Hai câu thơ ấy có nhạc điệu và có thực giá trị. Lợi khí là âm thanh, hình sắc. Ta có thể tìm hiểu nghĩa xuôi của thơ nhưng không cần ngay lúc đầu. Có thể nói rằng nghĩa xuôi của câu thơ có khi làm giảm cái độ giàu mạnh của cảm xúc đầu tiên. Trước khi hiểu nghĩa xuôi bao nhiêu cảm giác xây nên trên hình ảnh « *Hoa Quỳnh* » bao nhiêu xúc động rộng rãi bám vào mình « *Chiều xôn xao về nhạc trầm mi* » khi hiểu nghĩa xuôi, tâm hồn ta chú ý vào nghĩa ấy. Cảm xúc có vẻ thu hẹp lại (Buổi chiều chỉ là buổi chiều trong hoa quỳnh).

Nhưng xét kỹ ra thì thuyết ấy không phải hoàn toàn là vững chắc. Đừng đọc lập, những tiếng nhạc, trầm mi, gây

nên cảm giác giàu mạnh tùy theo người. Nhưng cảm giác ấy thực hời hợt và bơ vơ. Như không tìm được chỗ bám víu. Vì tâm lý học đã cho ta biết đời cảm xúc có liên lạc mật thiết với đời lý trí một cảm xúc mạnh và sâu là vì có lý trí và những tưởng tượng (représentation). Những liên tưởng (associations idées d'images) nghĩa là vì có hoạt động của Lý-trí. Không thể tách rời tình cảm ra một bên, chỉ nói chuyện thẳng và gây cảm xúc. Nhạc, nhạc xưa, nhạc Nghệ-thường, nhạc ở đáy thiên cổ, nhạc những giờ ca vui nay đã tắt. Cảm xúc hòa nên dỗi dào bao nhiêu. « Tóc mây » nó là tóc mây của một giai nhân yêu kiều, hai cảm xúc mạnh khác nhau. Vì vậy câu thơ vẫn cần phải có nghĩa. Tác giả có thể trả lời « Độc giả có thể đọc nhạc sẽ nghĩ đến nhạc xưa » thì dù nhạc Nghệ-thường hay một thứ nhạc gì khác cũng được. Nhưng chỉ độc giả không được hướng dẫn ngỡ ngàng vì sự hội ngộ lạ lùng của tiếng, của chữ, thường chẳng nghĩ gì đến hơn là « Tiếng đàn » những giây cảm xúc không được rung động, đời tình cảm làm việc nghèo nàn bởi chúng không có bám víu vào đời lý trí ».



Bình tàn thu

Bình tàn thu vai phấn nghiêng rơi
Chén vàng dâng ướp nhạc lòng đời
Sương mùa lệ héo dậm đường hương
Cung phi dặng bướm buồn Nghệ Thường
Sách đàn tay xõa ái-tình-Chương
Cỏ mây người nhạc dịu vườn tươi
Đa xuân mười tám tuổi buồn người
Mì thơm chanh buổi chiều buồn đa
Rượu tóc loan thắm đượm mùa ngà
Sầu chum tơ giấy giờ mưa hoa
Người ơi người nẻo ngát tường mừng
Hồn Tương-giang đàn dựa buồn hương

NGUYỄN XUÂN SANH



Buồn xưa

Huỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi
Hồn xanh ngát chữ dấu xiêm y
Rượu hát bầu vầng cung ướp hương
Ngón hường say tóc nhạc trầm mi
Lãng xuân

Bờ giữ trái xuân sa
Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà
Nhài đàn rót nguyệt vũ đôi thơm
Tỳ bà sương cũ dặng rừng xa
Buồn hương vườn người ai tuổi tươi
Ngày này trăng giăng buồn muôn đời
Môi gợi màu xưa ngực giữa thu
Duyên vàng đa lộ trái du người
Ngọc quế buồn nào gợi tóc xưa
Hồn xa chiều sách nhánh say sưa
Hiển dăng

Hiển dăng quả hồng hương
Hoàng tử nghiêng buồn vầy tóc mưa
Đường tàn xây trái buổi du dương
Thời gian ơi tưới hận chìm tường
Nguồn buồn lạnh lẽo thoát cung hơi
Ngọt ngào nhớ chảy tự trăm phương

NGUYỄN XUÂN SANH



Mười xuân

Hãy vớt mai trăm vàng nắng gió
Đường xuân rồi khép với chiều tơ.
Đường xuân

Lên mùa xe khách vút xe hương
Vai nghiêng tuổi trái lạnh hồn đường
Gieo trắng dậm thơm đời ngát nẻo
Bố mùa chân ướp gấm hoa sương

Ngập ngừng hương ấm bình thanh xuân
Tay thơm dâng sóng đậm chiều gần
Hồn gặp men chiều xiêu mái đơm
Sương người tươi trái duyên riêng thân,

Thế kỷ về xuân hương nước ơ
Người xuân liễu thắm nhạc hồn đời
Say cuộc nẻo hương hoa thắm bước
Hát trầm nhựa chuyền nhánh vượn hơi.

Quay nhịp chiều tươi hương vút cao
Tay xuân suối rượu thuở xa nào
Phơi phơi ngày vàng giăng mí tóc
Mì ướt rừng mùa sương buổi nao

Xe lá xuân hồn hoa ngón tay
Mắt nghiêng cánh hạc mộng bờ ngày
Hương lộn mi trầm mây biếc biếc
Ơi người mùa duyên men bốc say

Chén dần xuôi trái ước trăng không ?
Môi ngát trời xưa nhịp thắm hồng
Vườn lượn tay nghiêng xây trái cũ
Bờ xuân men nhạc múa tơ bông.

Bâng khuâng vai ướt lệ sương người
Vòng xuân hoa mướt mộng nơi nơi
Nghe mạch hương mùa khuya trái giữ
Tay nao sương đất hạt lâu đời

Hồn lạnh thời gian đầu buổi xưa
Tay ơ bóng ấm đậm buồng dứa
Trăng hồng đỏ chín rơi vang bước
Hạnh phúc duyên đường nghiêng nhánh xưa

Lên xuân trái nhạc ngủ chiều hương
Rừng dựng màu cành xanh bốn phương
Nắng gội hồn ngày say góc mát
Người hương trái chín nhạc lên đường

Người xuân ngực nở nhịp tuần hoàn
Thuyền đào lên sóng nhạc thời gian
Mái tóc ngưng hương mùa nước đậm
Mì xanh hồn trĩu nhạc thơm ngàn

Mai xưa cây ngát thắm hồn rừng
Hương tưới lư trầm bốc mướt lưng
Lưu thủy ngọn đời tuôn nhánh gió
Tròn xuân đất rậm hái tung bưng.

Nội tươi gió trái bước rừng mai
Người sương bắt ngát gợi đường nhài
Đi nhạc ngàn xuân lên bước mới
Bình trời treo ngực nét tuôn vai.

Mì lỏng thánh thốt chớ hồn son
Vai mầu lâu sương nhạc đồ tròn
Trái châu nhịp hoa tay chơi với
Bước hương gieo nhẹ mầu rừng non.

Lầu người gió vút nhạc rừng xây
Đất thơm lối biếc ngực dâng đầy
Xuân đầy vòng thơm buồng trái ngọc
Thiên hương lúa mướt tóc rừng mây.

Nẻo trắng ru hồn mái tóc sương
Người hương trái chín nhạc lên đường
Đào dạt rây mây đời ủ ngất
Lên mùa xuân khách vút xe hương.

NGUYỄN XUÂN SANH

1939-1940

(Trích báo Thanh nghị năm 1945)



Hồn ngàn mùa

Gió đầy bờ hương Thiên Trúc bãi
 Sen diu nhạc đượm Hằng Hà giang
 (Tập Thơ Tuổi Nhỏ)

Hý-mã-lạp-sơn buồn thu đây

Thu

Tóc xuân bùng đình chiều đầy
 Quỳ dâng Hình Nhạc nẻo nghìn mây
 Trăm ngàn mùa nghe tóc buông xâu
 Hòa hợp màu hương tranh thế gian
 Đất ơi hoa rót chén trời đàn
 Sen tưởng cầu thơm ngói tiếng can
 Rừng ngàn mùa e ấp Dung Nhan
 Dền xanh cửa ngát lạt hoa thương
 Cúi đầu sao khóc bề chân chường
 Quay thuyền Lái Ngọc gởi mười phương
 Hồn ngàn mùa lạnh leo tay hương
 Hoàng hôn kính dậy đất mệnh mông
 Trái đẹp sao xưa gợn gió bằng
 Vai sầu chín thuở Đức say Bông
 Người ngàn mùa kiếp trắng nghiêng Sông

NGUYỄN XUÂN SANH



Người có nghe

Tôi dâng nàng
 Một nửa đời tội lỗi
 — Và nàng sẽ cho tôi
 Tất cả tấm lòng bằng !
 (Hoa Hương)

Người có nghe ru nhánh nhạc gầy
 Dạt dào sóng thấm xoa muốt giây
 Trưa nay gió dị và trong tóc
 Hoa khép đà lên tiếng nước mây

Đặt diu nhị đắm nôi sau xưa...
 Điệu lá hồn rung ý nhật thừa
 Rầu rĩ vì van đôi ngón mộng
 Nâng môi hàm tiếu bút say sưa.
 Gác kín buồn sâu khóa ước mơ
 Mùa đông ép mãi giữa khăn tơ
 Kìa trông men bướm bốc lên nắng
 Phần lẹ còn đây giữ xuống thơ...
 Người có nghe đưa nhịp nào nề
 Hương tà dăng nhớ quuyến song the
 Đàn xa cũng mắc sầu này chứ ?
 — Giọng thắm hơi cao, người có nghe...

PHẠM VĂN HẠNH



Thư, Thơ...

Thư, thơ...
 Gởi, không gởi ?
 Viết, sống
 Vội vợi, hắt hủ...
 Tới, không tới ?
 Than thở, tâm thành
 Một ngày ngọc
 tới
 Một phút hương
 lộng
 Trống trong hồn...
 — Hương Tàn !
 phương trời
 Tinh sương
 Tịch
 Mịch
 Nhớ nhung, nhớ nhung...
 Gió thông
 tịch mịch —
 -- Chiều..

Nhờ sào
bến chi ?
Sương khuya
(Tên người điếm lệ
Tên người rướm lệ)
Không bao giờ
Bao giờ ?
Nói, không nói
Trong, trắng trong
Trong, trong...
Lặng

PHẠM VĂN HẠNH



Một chiều cuối thu, tôi gửi cho các bạn,
từ trên rừng...
(Các bạn thân, hay chưa thân ; hiểu hay chưa hiểu,
có hồn, hay... nhưng mà cái gì không có hồn ?)
— Gió Lào, con thú bị thương
đang rú...
Tiếng khóc đang cơn say !
Tôi khép cửa hai lần : Cửa không muốn đóng
Rào rào trận mưa không trông thấy,
kẹt kẹt cái gì muốn vỡ
Lặng. Vo vo
trong mơ
hồi nhỏ.
Mưa
Thật thà, bị thiết...
Sờ ra, chùng u hoài !
Ngọt và đắng,
hiển linh hồn.
không khép..., không giận, không cười.
Có làm sao, các người nhỉ ?
(Ừng nhiều thứ « giết » tôi, kẻ tôi trước tiên !)
— Hào... Hào huyền !

Bả là gió gần tình
Trời quang. Tối.
Có cánh đại nào tạt trên thêm,
run trên lòng ?... Cũng sống đời hoa !
Một chiều mộ thu, tôi gửi cho bạn,
từ trên ngàn...
(Tôi viết chi ?)
Trắng lẫn mờ mờ trăng thơm,
Ta cùng đọc những lời thơ không nói
Ta cùng nhớ Cái-Gì-Không-Thề-Tới
Tôi đi lên cao, tôi có với được gì ?
Mây Tàn... Còn vương gì trong đôi tay !
(Đôi tay chấp muôn đời)

« — ... Sợ Sợ ... Lã Oai ... ! »

Tôi ngã đầu trên vai nào đây ?
Đóa mơ say,
Ngày mai ... tạ
« ... Sợ Sợ ... là ... »
Đôi mắt xưa,
Ngày mai ... lạ
« ... Sợ Sợ ... »
Một chiều tàn thu, tôi gửi cho ai,
từ trên nguồn ...
(Tôi gửi gì ?)
Lòng tôi đã dâng
Một chiều Xuân Thu

Mừng Theng, một mùa gặt
PHẠM VĂN HẠNH



L. N. S. — Nếu nhóm Xuân Thu Nhã Tập đã làm một trong những biến chuyển đường hướng sáng tác của văn nghệ sĩ lúc bấy giờ, chúng tôi vừa trình bày trên những tác phẩm văn thơ của nhóm mà không luận bàn gì về quan niệm nghệ thuật vì chúng tôi thiết nghĩ họ là người của phong trào khởi sáng, hay hay dở, đúng hay sai không gì tốt hơn nhường lời cho người cùng thời tức là luồng dư luận lúc bấy giờ phê phán.

Họ là những người gây dựng đường hướng sáng tác mới. Ảnh hưởng có tốt đẹp hay không? Chúng ta hãy nghe ông Tam Ích nhận định trong bài « *Nghệ thuật Việt-nam đi đâu? Từ những chất nghệ thuật cũ đến vấn đề ý thức hệ của nghệ sĩ* » ta có thể tìm được ở đó một sự phân tích cặn kẽ về ý thức của những con người văn nghệ sĩ trước cuộc chuyển hướng của nghệ thuật đương thời.

Sau đây, chúng ta hãy đọc thêm bài bổ túc của ông Triều-Sơn luận về « *Căn bản vấn đề nghệ thuật* ».

Như vậy ta sẽ có đầy đủ cả hai luồng dư luận phê bình và xây dựng về khuynh hướng sáng tác của nhóm Xuân Thu Nhã Tập vậy.



NGHỆ THUẬT VIỆT NAM ĐI ĐÂU ?

Từ những nghệ thuật cũ
đến vấn đề ý thức hệ của nghệ sĩ

Bài của TAM-ÍCH

Cách đây mấy năm qua. . .

Năm 1944, người ta hỏi họa sĩ Nguyễn gia Trí về mục đích của hội họa, Trí trả lời : « *Trời sinh ra mình vẽ thì mình vẽ* ». Người ta lại hỏi họa sĩ Lương xuân Nhị về ảnh hưởng của hoàn cảnh xã hội, Nhị trả lời : « *Cũng có, và cũng không. Không là vì nghệ sĩ hành động tự do. . .* ». Rồi người ta lại hỏi Nguyễn đồ Cung về khuynh hướng hội họa, Cung trả lời : « *Hiện giờ tôi đã tìm tòi và suy nghĩ . . .* »

Ba người : một người từ trên trắng rơi xuống, một người lúng túng giữa có và không, và một người đang đi lang thang tìm khuynh hướng.

Quá trình tiến hóa của cá nhân nghệ sĩ

Nghĩa là thế này : họ không có sứ mạng xã hội. Trời sinh ra để vẽ thì vẽ, muốn vẽ gì thì vẽ, và muốn theo khuynh hướng nào cũng được. Một mặt thì không biết vai trò của mình trong xã hội như thế nào, một mặt thì tưởng tượng rằng nghệ sĩ thì bao giờ cũng tự do, đứng ngoài những biến chuyển của lịch sử.

Nhưng sự tưởng tượng chỉ có hạn. Một buổi sáng, sức tưởng tượng của nghệ sĩ chạm phải cuộc đời thiết thực. Và họ cảm thấy rằng bản ngã của họ, có một cái gì mất thăng bằng ; chung quanh sự sống của họ, gió bão cuộc đời khách quan và chủ quan đập vào người họ.

Chất nghệ thuật lãng mạn bắt đầu loãng, nghệ sĩ đã bắt đầu thấy khó thở giữa những chủ nghĩa nghệ thuật đã phá sản. Vì vậy Nguyễn đồ Cung bắt đầu : « *Tìm lời mà suy nghĩ* ».

Họa sĩ đi tìm xu hướng mới. Thi sĩ đi tìm nguồn thi hứng khác. Văn sĩ bỏ chất văn chương lãng mạn. Nhạc sĩ đào huyệt chôn đàn cò, đàn kim và những bản nhạc xưa. . . Nói tóm lại, mỗi một nghệ sĩ đi tìm một nghệ thuật mới. . .

Với họ, cần phải có một xã hội mới, một khí hậu văn hóa mới, cần phải có một sự thay đổi.

Người ta không thể lấy mãi cái xấu làm cái đẹp, và những dơ bẩn tiềm tàng kín đáo trong cái xã hội đầy giả dối, đầy thô tục của một giai cấp phá sản không thể nằm nghênh ngang trên tranh, trên sách giữa những văn thơ hay trong một điệu đàn nữa . . .

Nào trái tim, nào tình cảm, nào « cuộc đời bên trong », nào cặp mắt mơ mộng, nào mây nước trắng hoa, bao nhiêu đề tài của chất nghệ thuật cũ đều thành chuyện cũ.

Nhưng bỏ cái cũ thì phải có cái mới. Cái mới tìm ở đâu ? Có người chỉ cho họ : trong sự sống linh hoạt của cuộc đời.

Sự thật thì khác. Họ không trở lại những nơi mà họ thấy thiếu sinh khí nữa, họ tìm một đường khác.

Họ không muốn lệ thuộc vào bất kỳ một giai cấp nào. Họ đi tìm một cái mà họ kêu bằng sự tự do của nghệ sĩ, là không thấy rằng sự tự do đó chỉ là một sự trá hình. Và giữa lúc đi tìm sự tự do, họ trở vào bản ngã (repriement sur soi); không trở về với giai cấp phú hào mà cũng không nhẩy vào những phong trào quần chúng, trốn vào bản ngã cá nhân, và cho đó là một *Thái độ Cách-mạng* của nghệ sĩ đối với xã hội. . . . , đối với nền văn hóa cũ.

Từ đó họ tìm chất nghệ thuật trong bản ngã; gồm có ý thức, tiềm thức, v. v. . . Cù Huy-Cận viết « Kinh cầu tự ». Họa sĩ Nguyễn đồ Cung vẽ « Con nai vàng » cho tập thơ « Tiếng thu », vẽ hồn nghệ sĩ như con quỉ « trong tập thơ Tiếng Thu ». Picasso vẽ. . . những bức tranh vô lý. Nhóm Xuân Thu Nhã Tập viết: « *Tôi cái ta thuần túy; Trí thức tuyệt vời và tuyệt đối. . . Thơ, tình yêu, nẻo đạo. . . Ta không là gì riêng biệt. Ta là tất cả. . .* » Nguyễn gia Trí vẽ người, nửa người nửa rắn, trong bức sơn mài: « Mộng đàn bà », một bức sơn mài gần như. . . siêu tả chân.

Khủng hoảng nghệ thuật

Từ đó, giữa nghệ sĩ và quần chúng có chuyện ly khai. Nghệ sĩ bỏ quần chúng quá xa.

Năm ngoái, (1948) ở Genève có một cuộc hội nghị quốc tế về nghệ thuật. Jean Lescure tuyên bố: « Ở thời đại mới này có một trạng thái phải đề ý; là quần chúng đã ý thức được danh dự của họ, nhận thức rằng văn hóa và nghệ thuật cũng thuộc về vấn đề danh dự của họ ».

Có lẽ là quần chúng đã « ý thức được danh dự của họ và nhận rằng văn hóa và nghệ thuật không phải là vật sở hữu của ai. Nhưng một người thợ vẫn chưa hiểu nỗi bức vẽ của Nguyễn đồ Cung ở bìa cuốn « Tập văn họa kỷ niệm Nguyễn Du » hay câu thơ « *Hồn ngàn mùa lạnh lẽo tay hương* » của nhóm Xuân Thu Nhã Tập, hay một bức tranh tập thể của Fernand Léger !

Sự ly khai ấy là hình thức của một cuộc khủng hoảng về nghệ thuật. Julien Benda đã phải kêu lên: « *Sở dĩ có sự ly khai ấy là vì loài người đời ở nghệ sĩ những tác phẩm mà họ hiểu được, còn nghệ sĩ thì lại không đếm xỉa gì đến ý muốn của họ.* »

Cù Huy-Cận (năm xưa), Nguyễn gia Trí, Nguyễn đồ Cung, nhóm Xuân Thu Nhã Tập, cho rằng giữa nghệ sĩ và cá nhân xã hội có một bức tường; nghĩa là nghệ sĩ là một « *đẳng* », một thứ người đứng lên trên sự biến chuyển xã hội, chớ không phải hạng người sống giữa cuộc đời có trách nhiệm.

Đứng xa cuộc đời, họ bơ vơ. Cùng với sự bơ vơ của nghệ sĩ, xu hướng nghệ thuật cũng khủng hoảng và không biết tựa vào đâu mà sống, mà đứng vững, mà trường cửu.

Trong những khúc quanh của lịch sử, họ mất thăng bằng. Lịch sử cứ đi, họ lùi lại. Nếu không phải là lùi lại thì có lẽ họ cho rằng mình đi quá cả sự tiến hóa. Nhưng nếu quả đó là một sự « tiến hóa » thì họ đã đi quá một vạn dặm và trở nên huyền bí. Tóm lại, *lùi lại hay đi quá*, đều là ly khai.

Nhà nghệ sĩ phải đi sát và đi quá, đi quá một chút để làm nghệ sĩ tiên phong trong văn hóa. Doumier nói: « *Nghệ sĩ phải căn ở trong thời đại của mình* » (il faut être de son temps). Còn Jean Cassou nói: « *Bản chất của nghệ thuật là đi quá.* » (La nature profonde de l'activité artistique est de tendre à un dépassement), (trích Lettres françaises số 224). Chúng ta có thể hòa hợp giữa hai quan niệm của Jean Cassou và Honoré Daumier để làm một quan niệm duy nhất của nghệ sĩ.

Ý thức của nghệ sĩ

Trận đại chiến thứ hai gây ra một sự biến chuyển dữ dội, dựng đầu nghệ sĩ và đánh bật nghệ sĩ qua bên này, qua bên nọ. André Malraux, Jean Paul Sartre, Koestler, đã trở về với giai cấp thống trị bên nọ. Còn bên này Aragon, Eluard đã bỏ phái siêu tả chân từ ngày chưa có chiến tranh. Nguyễn gia Trí đi làm chính trị. Cù Huy-Cận đi làm cách

mạng. Đoàn phú Tứ của nhóm Xuân Thu Nhã Tập đương hoạt động trong hội văn hóa cứu quốc. Phạm văn Hạnh cũng đã bỏ những « Giọt sương hoa » để trở về với cuộc đời...

Dù muốn dù không, họ đã mang màu sắc ý thức hệ mới để tranh đấu cho một ngày mai tươi đẹp. Vô tình hay cố ý họ đã đi tiên phong cho những tư tưởng cách mạng. Loài người đã chia làm hai khu vực tinh thần; họ không ở bên kia thì ở bên này. Dù không rõ ràng thì cũng đã lò mò và chờ ngày kỷ luật hóa. Và họ đã ở bên này rồi vậy.

Và họ sẽ nói như Jean Christophe — của Romain Rolland — nghệ sĩ không phải là người làm những bản nhạc cho một mình nghe, làm những công trình nghệ thuật thông thái cho một số người thông thái hiểu. . . chỉ có nghệ thuật nào đi một nhịp với loài người mới sống lâu; Beethoven cũng không hề xa quần chúng. . . (trích Lettres françaises số 260).

Và trách nhiệm của họ lớn. Nghệ sĩ không phải là một người của hoàng tộc, một tín đồ, một kẻ lang thang, một kẻ giang hồ, một kẻ chỉ tạo ra những cảm giác lạ lùng và những cảm động kín đáo cho những người no ấm. Họ là những kẻ có trách nhiệm. . . trách nhiệm đây là trách nhiệm góp sức vào cuộc tranh đấu của quần chúng để làm lại xã hội (Boris Taslitzki — trích tạp chí La nouvelle — Critique — số 2).

Và họ không thể tưởng tượng rằng họ có thể có ý thức hệ thứ ba. Ý thức hệ « thứ ba » là ý thức hệ của những nghệ sĩ đối mình và đối người.

Trong quyển « Làm sao ? » (Que faire ?) có câu : « Vấn đề phải đặt như thế này : một là theo ý thức hệ phủ hảo, hai là theo ý thức hệ xã hội (idéologie socialiste). Loài người chưa từng làm ra một ý thức hệ thứ ba. Trong một xã hội có sự tranh đấu giữa hai giai cấp thì không thể có một ý thức hệ đứng ngoài hoặc đứng lên trên các giai cấp. »

Sau một cuộc biến chuyển dữ dội như trận chiến tranh vừa rồi, nghệ sĩ bỗng thấy mình đứng trước một tình thế mới và có lẽ con đường biên giới giữa nghệ sĩ và quần chúng đã mờ, cái hố chia rẽ nghệ sĩ và quần chúng đã lấp dần và hai bên sắp xé tờ ly khai.

Nghệ thuật Việt-nam nằm trong cái triển vọng của nghệ thuật thế giới, cũng chờ ở những nghệ sĩ của chúng ta rất nhiều tương lai.

(Trích Thi văn hiện đại, số 1, 1-6-49)



CĂN BẢN VĂN ĐỀ NGHỆ THUẬT

Bài của TRIỀU SƠN

Một buổi bình minh tươi sáng, những tiếng chim riu rít, một đàn bướm lượn, những tiếng rên rĩ của một người hành khất đói rét nằm trong một quán chợ. . . đều có thể làm cho tâm hồn người ta rung động. Thực tại của cuộc đời luôn luôn cho tâm hồn con người những cảm xúc, cảm giác, cảm tình vang dậy trong tâm hồn mà người ta gọi là nghệ cảm (hay mỹ cảm). Nhưng không bằng lòng chỉ sống với những nghệ cảm của thực tại đó, con người còn tạo ra những « thực tại » khác để thưởng thức, để có những nghệ cảm mới lạ. Những « thực tại nhân tạo » kia tức là những nghệ phẩm. Một bức tranh, một bản nhạc, một điệu múa, một bản kịch đều là những thực tại do nghệ sĩ đặt ra để thêm vào cái thực tại thiên nhiên để tự cho mình và người khác những nghệ cảm mà thiên nhiên không thể cống hiến được.

Nghệ cảm là nguồn gốc tâm lý của nghệ thuật. Nhưng không phải cảm giác, cảm xúc, cảm tình nào cũng là nghệ cảm. Vị giác khi người ta nếm một thức ăn, khứu giác khi người ta ngửi một mùi, nói rộng ra tất cả những cảm giác, cảm xúc, cảm tình chỉ sống trong lúc có thể bị kích thích không có một bóng vang trong tâm hồn; đều không phải là nghệ cảm. Trái lại, niềm cảm xúc trước cảnh vô biên của vũ trụ nhìn qua một đêm trăng sao, mối cảm tình lại lắng trước một vị anh hùng hy sinh cho nước, đều có thể là những nghệ cảm vượt qua giới hạn của sự kích thích cơ thể mà vang dậy vào tâm hồn. Vì vậy, một món ăn ngon, một tiếng búa gõ xuống đe, không thể gọi là những nghệ phẩm như một bản đàn hay một bức họa.

Trước khi sản xuất nghệ phẩm, nghệ sĩ đã nhận được những nghệ cảm, do thực tại của cuộc đời đưa đến. Những nghệ cảm này là những tài liệu để xây dựng nghệ phẩm. Các nghệ cảm thâm nhập vào tâm hồn nghệ sĩ, lắng xuống tiềm thức, được lựa chọn, thay hình đổi dạng, nhào nặn biến hóa trong ý thức và vô thức. Gặp điều kiện tâm lý và vật chất thuận tiện, nghệ phẩm này nằm trong tinh thần nghệ sĩ và ra chào đời. Nghệ phẩm sinh ra sẽ không phải là một mớ những nghệ cảm trộn lẫn lộn mà nghệ sĩ đã thu thập được ở cuộc đời. Nó là một toàn thể « bất khả phân tán » giống như một thực tại trong cuộc đời mà chính cuộc đời không công hiến được.

Trong khi tạo các nghệ phẩm, nghệ sĩ có thể có ít nhiều hoặc không có ý thức về cơ cách thực hiện nghệ phẩm và nguyên nhân sự thành công của nghệ phẩm. Có khi một nghệ phẩm được thực hiện gần như vô ý thức đối với nghệ sĩ như trong trường hợp một nhà soạn nhạc soạn một bản nhạc giữa lúc một luồng cảm hứng chiếm đoạt cả tâm hồn. Các nhà tâm lý học ngày nay cho rằng, trong trường hợp này, cảm hứng phát xuất từ vô thức, truyền qua hoạt động cơ thể, mà chỉ huy sự tạo tác không qua ý thức của nghệ sĩ. Nghệ phẩm tạo ra đã có dấu vết cái bản ngã của nghệ sĩ, cái công phu xây dựng đặc sắc của nghệ sĩ.

Nó có tính chất một sáng tác. Không có tính chất sáng tác này, tác phẩm sẽ không phải là một nghệ phẩm. Một bản nhạc là một nghệ phẩm vì nó có tính chất sáng tác. Kẻ biên diễn bản nhạc đó trước công chúng cũng là một nghệ sĩ vì sự biểu diễn kia có một phần nào sáng tác. Một người làm nghệ chụp ảnh thường không phải là một nghệ sĩ. Nhưng nếu một người chụp ảnh, đã dùng tài năng khéo léo của mình để chụp lấy những tấm ảnh mà mình ưa và người khác đều cho là đẹp, đã để một phần nào dấu vết bản ngã trong mỗi tấm ảnh đều có tính chất sáng tác và đều được gọi là nghệ phẩm.

Muốn một nghệ phẩm được sáng tác và thành công dễ dàng, nghệ sĩ cần biết kỹ thuật của nghệ thuật. Kỹ thuật này cần nhưng không đủ để sáng tác nghệ phẩm. Kẻ biết được kỹ thuật của nghệ thuật, nhưng không có cảm hứng đặc sắc, không có thêm tài năng khéo léo đặc biệt để cảm hứng đặc sắc đó ra ngoài không gian, thì cũng không sáng tác được nghệ phẩm.

Một nghệ phẩm không phải một cá nhân sống hoàn toàn biệt lập, riêng rẽ trong xã hội sản xuất ra được. Nghệ sĩ muốn sáng tác phải sống với xã hội đương thời, xã hội to nhỏ mặc dầu. Sống với xã hội không bắt buộc phải lẫn lộn trong xã hội, nhưng phải để tâm hồn hòa lẫn với tâm lý xã hội. Một anh chàng nghệ sĩ tư bản, có thể sống không lẫn lộn với xã hội, kể cả cái xã hội tư bản của anh, nhưng tâm hồn anh đã thấm nhuần trong cái tâm lý xã hội tư bản. Hoàn cảnh sống trong xã hội tư bản luôn luôn cho tâm hồn nghệ sĩ những nghệ cảm đặc biệt. Những nghệ phẩm này là những tài liệu sáng tác từ nó đã mang dấu vết của xã hội tư bản. Nói rộng ra, cái bản ngã của nghệ sĩ cũng đã thấm nhuần cái tâm lý xã hội tư bản. Cho nên khi nghệ phẩm ra chào đời, nó mang cái màu sắc bản ngã của nghệ sĩ mà cũng mang dấu vết tâm lý của xã hội tư bản. Vì vậy, nghệ phẩm thành hình là có cơ thỏa mãn được cái nhu cầu của nghệ cảm của xã hội tư bản.

Nói rộng ra, nghệ phẩm nào cũng phải thỏa mãn một nhu cầu nghệ cảm của xã hội: Cá nhân để ra tác phẩm, những tác phẩm đó có thành nghệ phẩm hay không còn tùy ở chỗ nó thỏa mãn được nhu cầu nghệ cảm của xã hội hay không. Những bức họa của Picasso không thể để ra ở thế kỷ thứ 15 tại Âu-châu hay thời Đổng Phủ ở Tàu. Mà ví dụ nó có thể xuất hiện trong những điều kiện xã hội lịch sử đó, nó cũng chỉ được coi như những tác phẩm của một kẻ điên rồ, không người thưởng thức, nên cũng không gây được phong trào hội họa.

Cái Đẹp, cái Hay, tiêu đích của nghệ thuật, có căn cứ trong tâm hồn người ta, nhưng nó được uốn nắn, hòa theo

xã hội sinh hoạt. Vì vậy, nó cũng tùy nơi, tùy thời mà thay đổi. Nó thay đổi thì các tác phẩm phải thay đổi theo mới thành nghệ phẩm. Cho nên, nghệ phẩm tuy có dấu vết của sự sáng tác nhưng đồng thời cũng bị xã hội sinh hoạt lệ định.

Vì lẽ ấy, nghệ thuật vì nghệ sĩ mà cũng vì xã hội. Nhà nghệ sĩ sáng tác một nghệ phẩm có thể cho là thỏa mãn cái nhu cầu nghệ cảm của riêng mình. Nhưng cái nhu cầu kia của nghệ sĩ đã được xã hội hóa nên nghệ phẩm khi thành hình, đồng thời thỏa mãn được cái nhu cầu nghệ cảm của xã hội. Một nhà văn lãng mạn tìm cái thú ở chỗ chuyên nói về tâm tình của mình. Nhưng văn của ông ta vẫn được những kẻ lãng mạn của thời đại thưởng thức. Những thơ của phái siêu tả chân được gọi là những tác phẩm nghệ thuật vì nó thỏa mãn được cái nhu cầu « nghệ cảm thoát tục » của một số người muốn ra khỏi bằng tâm hồn, tất cả những ràng buộc, những lớp sống tàn bạo của một đời bấp bênh, khủng hoảng.

Sở dĩ nghệ phẩm thỏa mãn được nhu cầu nghệ cảm của nghệ sĩ và của xã hội là vì nghệ sĩ và xã hội đã có bao nhiêu dây ràng buộc, tâm hồn của nghệ sĩ đã hòa nhịp và thấm nhuần cái tâm lý xã hội, nghệ sĩ và xã hội đã có sẵn nghệ cảm và nhu cầu nghệ cảm giống nhau. Nên chỉ nghệ phẩm chính là dây liên lạc giữa nghệ sĩ và xã hội. Một nhạc sĩ Nga hiện đại nói : « Nghệ thuật là một phương tiện để loài người trao đổi ý kiến với nhau. » Hơn thế nữa, ta muốn nói nghệ phẩm là một cái cầu để bàn ngã của một nghệ sĩ thông cảm, tương thân với tâm hồn công chúng. Cho nên có thể nói nghệ phẩm là con đẻ của nghệ sĩ và của xã hội. Nghệ sĩ sống mật thiết với xã hội, nghệ sĩ càng vào sâu được tâm hồn mình bao nhiêu thì nghệ phẩm càng vào sâu được cái tâm lý xã hội bấy nhiêu.

Nghệ phẩm là kết tinh của bao nhiêu nghệ cảm trong tâm hồn nghệ sĩ, trong lòng bàn ngã của nghệ sĩ. Khi thành hình, nó sẽ gọi qua giác quan, những nghệ cảm rất rào vang dậy trong tâm hồn công chúng. Hình thức của nghệ phẩm bị hạn chế trong không-thời-gian, nhưng với tâm hồn công

chúng, nghệ phẩm sống vượt ra ngoài hình thức cố định của nó. Một họa sĩ nổi danh thời Phục-hưng ở Âu-châu đã đề dưới một bức họa đàn bà : « *Thượng đế tạo ra Người ; Người đã chết. Ta tái tạo ra Người ; Người sẽ bất diệt.* » Câu nói chứa đựng tất cả kiêu ngạo của một họa sĩ giàu lòng tự tin, nhưng nó có thể cho ta thấy sức sống của một nghệ phẩm có giá trị. Một bài thơ đâu có chấm hết khi người ta đọc xong chữ cuối cùng ? Một bản nhạc đâu có phải chỉ nằm vên vên trên mặt giấy ? Cho nên khi sáng tác, nghệ sĩ có thể thấy mình sống rộng rãi hơn, mà công chúng khi thưởng thức nghệ phẩm cũng thấy mình sống dồi dào hơn.

Nghệ phẩm thành công phải nhờ ở điều kiện xã hội. Một vài nghệ phẩm hợp với nhu cầu nghệ cảm của cả một phần lớn xã hội có thể gây được một trào lưu nghệ thuật riêng. Mới đầu một vài nghệ sĩ tiên tiến, sống sâu xa trong tâm lý xã hội sáng tác ra được vài nghệ phẩm thành công. Các nghệ phẩm này lôi cuốn được nhiều công chúng. Trong đám công chúng yêu các nghệ phẩm sẽ nảy ra những nghệ sĩ mới, giúp cho phong trào thêm giàu mạnh bằng những nghệ phẩm mới. Những nghệ sĩ cũng theo trào lưu nghệ thuật này hợp thành một trường nghệ thuật có kỹ thuật đặc biệt của nó. Trào lưu phát triển cho tới khi nào nó còn sản xuất ra những nghệ phẩm thỏa mãn được nhu cầu nghệ cảm của xã hội, do đó còn thu hút mỗi ngày mỗi thêm nghệ sĩ mới. Trào lưu nghệ thuật trong lúc này còn ảnh hưởng mạnh vào nghệ cảm của công chúng, một phần nào nuôi nấng, gây dựng một nhu cầu nghệ cảm riêng. Nhưng nhu cầu nghệ cảm của công chúng còn chịu nhiều ảnh hưởng khác trong xã hội, nhất là ảnh hưởng của những điều kiện kinh tế và chính trị. Khi cái nhu cầu nghệ cảm của một phần lớn công chúng chuyển một bước xa rồi, trào lưu nghệ thuật cũ, với kỹ thuật của nó, không giúp cho nghệ sĩ sáng tác được những nghệ phẩm thỏa mãn nhu cầu nghệ cảm đời mới của đa số công chúng. Trào lưu nghệ thuật này đã đi tới giờ tàn. Nó đi vào một con đường ghê rợn. Nó cần cỗi như một cây không có nơi đất tốt nuôi sống. Nó không giúp được xã hội tiến hóa mà cũng không tự mình ra ngoài được cái ngõ

bế tắc. Một trào lưu nghệ thuật sống nhờ ở cái năng lực sáng tác không ngừng của nó. Khi nào nó không ăn rễ được vào cái tâm lý sâu xa của số đông công chúng thì năng lực sáng tác này cạn, trào lưu không còn gì lý do tồn tại nữa; nó bị đẩy vào con đường chết. Trong khi ấy, nếu có một trào lưu nghệ thuật nào khác mở đầu bằng những nghệ phẩm hợp với nhu cầu nghệ cảm đa số công chúng, giúp vào sự tiến hóa của xã hội, trào lưu này là một trào lưu nghệ thuật cách mạng sẽ đứng ra thay thế cho trào lưu cũ bị lịch sử đào thải.

Những trào lưu nghệ thuật do sinh hoạt xã hội đẻ ra, nuôi nấng cho trưởng thành. Nhưng chính cái xã hội sinh hoạt kia cũng đóng vai chủ động giết chết các trào lưu nghệ thuật. Điều kiện đại cương xã hội sinh hoạt của nghệ sĩ có thể giống được phần nào nghệ phẩm, nhưng chỉ một phần nào thôi. Và cái phần này chính là phần trào lưu ở trong nghệ phẩm. Và có nghệ phẩm là có sáng tác, là có ảnh hưởng, dấu vết của cái bản ngã thâm kín sâu xa của nghệ sĩ. Cái « ta » của nghệ sĩ là cái lò nung nấu, biến đổi, nhào nặn, tất cả cái gì tiếp nhận được ở ngoại giới để thai nghén sáng tác nghệ thuật, vẫn không vượt được ra ngoài những điều kiện xã hội, lịch sử. Nghệ phẩm là con đẻ của bản ngã nghệ sĩ và điều kiện sinh hoạt của nghệ sĩ tác dụng, ảnh hưởng lẫn nhau vậy. Cho nên những người chui vào tháp ngà, quay hoàn toàn về cái « ta » của mình mà quên hẳn xã hội sinh hoạt là đi tới chỗ giết chết nguồn sáng tác cũng như kẻ đẻ cho tâm hồn tàn nát ra ngoài xã hội sinh hoạt, để không tạo được cho mình một bản ngã phong phú, cái lò nung nấu thai nghén sáng tác nghệ thuật.

Tình trạng hỗn độn, khủng hoảng của nghệ thuật hiện đại có nguyên nhân chính ở tình trạng xã hội sinh hoạt hiện thời đang chứa đầy những mâu thuẫn sai biệt, lệch lạc. Nghệ thuật giới bị xã hội sinh hoạt quy định nên cũng bị lâm vào tình trạng mâu thuẫn, lệch lạc, chia rẽ. Các nghệ sĩ càng đi sâu vào con đường riêng của phái mình bao nhiêu,

càng đi xa các nghệ sĩ khác trên con đường nghệ thuật khác. Ta hãy đặt một bức họa của phái Siêu tả chân ở Âu-châu cạnh một bức tranh lợn, tranh gà ở nhà quê Bắc Việt, ta đủ thấy nhu cầu nghệ cảm của mọi người khác nhau thế nào. Một mặt khác, xã hội hiện thời biến chuyển với tốc độ nước đại càng ngày càng gấp, thì các trào lưu nghệ thuật càng chóng lộn nhào. Nghệ cảm quan của công chúng bước theo nhịp biến chuyển xã hội, nghệ sĩ không theo được nghệ cảm quan này nên không theo kịp thời đại. Nghệ thuật đi đến chỗ bế tắc. Nghệ thuật thành ra lại giúp vào tình trạng mâu thuẫn phân chia, lung lay, lệch lạc của xã hội nghĩa là nuôi thêm cái tình trạng khủng hoảng của xã hội. Càng thế nghệ thuật càng tự hại mình vì mất đất sống. Xã hội hiện đại khủng hoảng thiếu thốn về vật chất, tinh thần cũng lung lay không được vun trồng đầy đủ, nhu cầu vật chất chiếm đoạt cả tâm hồn. Vì vậy, trình độ nghệ thuật chung của xã hội bị sút kém, nghệ thuật không điều có kiện lan rộng và sâu xa trong xã hội nên cũng không có điều kiện phát triển dồi dào, mạnh mẽ.

Muốn cứu vãn tình trạng này, các nghệ sĩ tiền tiến của thời đại vun trồng một nghệ thuật hợp thời và nhiều triển vọng hơn. Thời đại cần một trường nghệ thuật rộng rãi bao la, trong đó cái tự do nghệ cảm, tự do quan niệm, tự do sáng tác sẽ được đầy đủ, như trên kia đã nói, vấn đề sáng tác là một vấn đề sinh hoạt của nghệ sĩ, nghệ sĩ hiện đại phải là nguồn sống lẫn lộn với xã hội, làm thân với một bộ mặt của cuộc đời luôn luôn đang thành. Nghệ sĩ phải tạo cái bản ngã nghệ sĩ của mình trong xã hội muôn mặt, hết sức đông của thế kỷ. Khi mà bản ngã kia đã tạo được rồi, lúc sáng tác nghệ sĩ sẽ đặt vào nghệ phẩm dấu vết bản ngã linh động của mình và đồng thời diễn tả được cái bộ mặt phong phú luôn luôn biến chuyển của cuộc đời hiện đại. Nghệ sĩ thỏa mãn được cái nhu cầu nghệ cảm của quần chúng hiện đang sôi nổi háng hái đập đổ trở lực để xây dựng xã hội mới thì nghệ phẩm sẽ có một sức sống sâu xa, rộng rãi, bao la, mạnh mẽ, một tương lai đầy hứa hẹn chấp tất cả phá hoại vô cùng ác liệt của thời đại.

Nghệ thuật này Tả-chân hay Siêu-tả-chân?

Nghệ phẩm có nhiều ràng buộc với thực tại. Thực tại giúp cho nghệ sĩ những nghệ cảm là những tài liệu sáng tác. Nghệ phẩm thoát thai phải có ít nhiều, xa gần hình ảnh, dấu vết của thực tại. Nếu không, công chúng sẽ không thường thức nó. Vì vậy có thể bảo nghệ thuật có tính chất tả chân. Nhưng nếu nghệ sĩ muốn «cóp» đúng như thực tại một điều không thể được — nghệ phẩm sẽ mất tính chất sáng tác nên mất tính chất nghệ phẩm. Nghệ phẩm phải là cái gì không thấy trong thực tại thiên nhiên, nó phải cho công chúng những nghệ cảm không thể lượng được với thực tại thiên nhiên. Cho nên bảo nghệ thuật có tính chất siêu tả chân. Nghệ sĩ phải biết gần thực tại và xa thực tại, vào thực tại lại ra ngoài thực tại. Nghệ thuật nơi đây vừa có tính chất tả chân cụ thể lại vừa có tính chất siêu tả chân trừu tượng. Tả chân quá đáng, cụ thể đến nỗi nó lệ cho thực tại hay siêu tả chân, trừu tượng quá đáng để xóa bỏ thực tại trong nghệ phẩm cũng đều dẫn tới chỗ giết chết nghệ thuật. Hội họa tiến tới chỗ nó lệ thực tại thiên nhiên để cướp công của nhiếp ảnh tức là đi vào chỗ phản nghệ thuật. Hội họa tiến tới chỗ xa hẳn thực tại thiên nhiên, đi vào con đường của phái trừu tượng hay vô hình dung (abstraction non-figurisme) ở Âu-châu hiện thời cũng là tới một chỗ chết nữa. Nghệ thuật nơi đây tránh hai cái «tứ diêm» đó.

Có người sẽ mang câu chuyện bàn cãi nghệ thuật xưa ra hỏi: nghệ thuật này theo khẩu hiệu «*nghệ thuật vì nghệ thuật*» hay «*nghệ thuật vì nhân sinh*».

Muốn trả lời câu hỏi này, ta phải đặt những khẩu hiệu kia vào khuôn khổ xã hội, lịch sử của nó.

Ở Pháp trước nổi cách mạng 1789, đã có một luồng gió nghệ thuật mới, chống lại với nghệ thuật phong kiến cũ sống lại từ thời Phục-hưng. Khi cuộc cách mạng nổ bùng, trào lưu nghệ thuật mới được những điều kiện xã hội để phát triển. Trong lúc nó phôi thai, trên đất sống mới, người ta dùng cái khẩu hiệu «*nghệ thuật vì nghệ thuật*» để cho nghệ thuật tiến được cao xa và tinh tế hơn để nó làm hết cái nhiệm vụ lịch sử xã hội của nó.

Rồi nghệ thuật bị đưa tuốt lên tột bậc của lãng mạn chủ nghĩa. Nhưng xã hội tư bản Pháp đã chứa giấu những mâu thuẫn xã hội thành ra khủng hoảng, quần chúng bị khổ sở. Nghệ thuật biến thành sở hữu của một thiểu số để phụng sự thiểu số ấy. *Nghệ thuật vì nghệ thuật* tiến tới chỗ bế tắc vì mất đất sống, vì vấn đề nhân sinh của xã hội không giải quyết được. Người ta mới đưa ra khẩu hiệu «*Nghệ thuật vì nhân sinh*» để xây dựng một thứ nghệ thuật phụng sự nhân sinh và đồng thời giải quyết những khó khăn, bế tắc của nghệ thuật giới.

Nói tóm lại, hai khẩu hiệu ở hai thời kỳ khác nhau đều đầy cho nghệ thuật tiến kịp trào lưu tiến hóa của xã hội lại giúp vào sự tiến hóa đó. Trong thời kỳ trước *nghệ thuật vì nghệ thuật* thành ra cũng như vị nhân sinh mà ở thời kỳ sau *nghệ thuật vì nhân sinh* thành ra đã vị nghệ thuật rồi.

Một mặt khác, nếu nghệ thuật giúp vào việc giải quyết các vấn đề xã hội, để nâng cao mức sống của nhân dân, nghệ thuật sẽ không dành riêng cho một thiểu số mà thành ra một nhu cầu nhân sinh đối với đa số thì nghệ thuật vì nghệ thuật tức là đã vị nhân sinh rồi vậy.

Nói rộng ra, nghệ thuật nói trên tổng hợp mà lại vượt lên trên các xu hướng nghệ thuật trái ngược nhau; tả chân và siêu tả chân, cụ thể và trừu tượng, cổ điển và lãng mạn, *Nghệ thuật vì nghệ thuật*, *nghệ thuật vì nhân sinh*. Nó cho ta thấy con người trong hành động, con người luôn luôn tự tạo và tự vượt mình trong những điều kiện lịch sử luôn luôn đổi mới. Nó có tính chất cách mạng trong phạm vi nội dung, cũng như hình thức của nghệ thuật trong phạm vi nghệ thuật cũng như trong phạm vi xã hội. Nó hút nhựa sống trong lòng cuộc cách mạng. Nó vừa uốn nắn nghệ cảm quan của công chúng theo chiều cách mạng vừa hấp dẫn, lôi cuốn con người vươn tới một cuộc đời cao quý hơn, tô điểm bởi những nghệ phẩm dồi dào, nồng hậu, rung cảm sâu xa hơn. Vì trong khuôn khổ lịch sử hiện đại mà những phong trào cách mạng đang sôi nổi ở khắp nơi. Nghệ thuật không cách mạng ở trong phạm vi hình thức cũng như tinh thần, sẽ mất đất sống, hết nhựa sống thành ra cằn cỗi để đi lún vào chỗ chết.

Chủ trương nghệ thuật nói trên đây sẽ không đi đến chỗ bóp chết tự do sáng tác ; nó đề cho các xu hướng nghệ thuật tùy điều kiện xã hội mà phát triển với những tính chất đặc biệt của nó. Nghệ thuật Việt-nam thỏa mãn nhu cầu nghệ cảm của công chúng Việt-nam. Nó là kết quả của một cái cây bám rễ từ ngàn xưa trên trái đất này nhưng sống trong khung cảnh lịch sử hiện đại bằng một phần lớn của những đồ bốn tươi của các xã hội bên ngoài đưa tới. Nó có tinh thần Việt-nam đề rung cảm trước nhất công chúng Việt-nam, nó có tinh thần đại chúng và cách mạng đề hợp và giúp vào sự tiến hóa chung của xã hội. Về phương diện hình thức, kỹ thuật, nó phải hướng theo nghệ thuật Tây phương lại phải vượt lên nữa đề khỏi kìm hãm sáng tác mà còn giúp cho nó thêm dồi dào, sâu sắc, mạnh mẽ nữa.

Phát triển được đầy đủ, nghệ thuật nói trên đây, giúp một phần rất đắc lực vào việc cải thiện xã hội, việc gây lại một thể quân bình rộng rãi đề xã hội tiến hóa một cách dễ dàng, chắc chắn. Như vậy, nó tự tạo ra cho mình một khoảng đất sống bao la, đầy triển vọng. Như vậy, tới chỗ vị nghệ thuật thì đồng thời nó cũng tới chỗ vị nhân sinh với cái nghĩa đầy đủ, rộng rãi của danh từ *nhân sinh*.

Nghệ thuật có theo con đường này thì mới mong theo kịp thời đại, đề tạo ra cho mình một đà tiến mạnh mẽ. Cuộc đời mới này của nghệ thuật đã báo hiệu đó đây giữa những phong trào cách mạng đang lên ở Âu-châu, Mỹ-châu cũng như ở Trung-hoa, Việt-nam.

Nó đã đặt những bước đầu vào một khoảng rộng vô biên dành cho sáng tác, và đang đi tới những chân trời chưa từng thấy bao giờ trong lịch sử nghệ thuật.

(Trích *Thi văn hiện đại*, số 1, 1-6-1949)

1) Danh từ nghệ thuật thường được nghĩ theo hai nghĩa. Theo nghĩa rộng, *nghệ thuật* bao hàm ý nghĩa dùng tài năng khéo léo đề thực hiện sự vật gì (thuật nấu ăn, thuật nói chuyện). Theo nghĩa hẹp, *nghệ thuật* bao hàm ý nghĩa dùng tài năng khéo léo đề thực hiện cái gì bay, đẹp, nghệ thuật có nghĩa mỹ thuật (hội họa, ca nhạc, nhảy múa, ...) Đó là thông thường của danh từ nghệ thuật. Ở đây, danh từ nghệ thuật được dùng với ý nghĩa sau này, hoặc dùng đề chỉ các tác phẩm nghệ thuật. Tất nhiên khi nói vấn đề nghệ thuật một cách tổng quát là đã nói đến các phương diện của văn chương.